

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN LÂN NUNG CHÁY VẼN ĐIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 267/CBTT-PLVD

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Quý cổ đông

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VẼN ĐIỆN

Mã chứng khoán: VAF

Địa chỉ: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0100103143

Điện thoại: 0243.6884489

Fax: 0243.6884277

Người đại diện theo pháp luật: Văn Hồng Sơn – Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố: 24 giờ; 72 giờ; bất thường; theo yêu cầu; định kỳ

Nội dung báo cáo và công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2020 được lập theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn vandienfmp.vn/tin-co-dong.

Công ty chúng tôi xin cam kết thông tin được báo cáo và công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã báo cáo và công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS (b/c);
- Người được UQCBT;
- Lưu Thư ký, VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC, *hh*

Văn Hồng Sơn

Số: 266 /BC-PLVD

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

I- Thông tin chung

1- Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100103143; đăng ký lần đầu ngày 29/12/2009, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 14/05/2019;
- Vốn điều lệ: 376.653.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng);
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018: 376.653.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng);
- Địa chỉ: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội;
- Số điện thoại: 0243.6884489/6885174;
- Số fax: 0243.6884277;
- Website: vandienfmp.vn;
- Mã cổ phiếu: VAF.
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Từ năm 1963 đến năm 2009: Là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
 - Từ 01/01/2010 đến nay: Là Công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn;
 - Niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh:
 - + Ngày niêm yết có hiệu lực: 21/5/2015;
 - + Ngày chính thức giao dịch: 23/6/2015.

2- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất): Sản xuất kinh doanh phân lân nung chảy và các loại phân NPK;

- Địa bàn kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất): Trong nước.

3- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1- Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc điều hành.

3.2- Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc điều hành.

3.3- Các công ty con, công ty liên kết: không có

4- Định hướng phát triển:

4.1- Mục tiêu chính của Công ty:

Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích Nhà nước-Cổ đông-Người lao động.

4.2- Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty:

- Chú trọng nhân tố con người;
- Tập trung đầu tư khoa học công nghệ, không ngừng tăng năng suất lao động, năng suất máy móc thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn lao động, đảm bảo môi trường;

- Nâng công suất sản xuất, đạt 500.000 tấn lần nung chảy/năm và 200.000 tấn NPK/năm;

- Sản xuất các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường;

- Giữ vững và phát triển thị trường trong nước; từng bước mở rộng thị trường nước ngoài.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Thực hiện đúng các quy định về môi trường; tuyên truyền, giáo dục người lao động để cải thiện môi trường;

- Tích cực tham gia, hưởng ứng các phong trào xã hội, từ thiện;

- Đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống tinh thần, thực hiện đúng các chế độ đối với người lao động.

5- Các rủi ro:

- Rủi ro về cơ chế, chính sách của Nhà nước: Cơ chế, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, phân bón... (quy hoạch, cơ cấu ngành nông nghiệp, thuế, xuất nhập khẩu, xử lý phân bón rơm rạ, ...) có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Rủi ro về thiên tai: Khi thiên tai xảy ra sẽ làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón, giảm khả năng đầu tư phân bón của nông dân;

- Rủi ro về giá nông sản: Khi giá nông sản giảm sẽ làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón, giảm khả năng đầu tư phân bón của nông dân.

II- Tình hình hoạt động trong năm 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Khó khăn:

+ Tình hình sản xuất kinh doanh của Ngành phân bón, cũng như của Công ty Cổ phần phân lân nung chảy Văn Điển tiếp tục bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh không chỉ trên cây trồng, vật nuôi mà còn diễn biến phức tạp trên người, làm kinh tế trong nước cũng như cả thế giới bị ảnh hưởng rất nặng nề; sản phẩm của Công ty phải cạnh tranh rất gay gắt với các sản phẩm của rất nhiều các đơn vị sản xuất trong nước và đặc biệt là các đơn vị nhỏ lẻ ở các địa phương với giá bán, cơ chế rất linh hoạt thậm chí không tuân thủ theo các quy định của Nhà nước về sản xuất kinh doanh phân bón. Thời tiết ngày càng trở nên khắc nghiệt, hạn hán, xâm nhập mặn diễn biến rất phức tạp, giá nông sản ngày càng hạ, nông dân không có vốn và không mặn mà đầu tư cho phân bón để phục vụ sản xuất, đã làm cho công tác tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn, sản lượng sụt giảm.

+ Các loại nguyên nhiên vật liệu chính và chi phí ngoài sản xuất tiếp tục tăng cao ảnh hưởng lớn tới giá thành sản xuất, trong khi giá nông sản xuống thấp dẫn đến sức mua của nông dân giảm; dẫn tới tiêu thụ sản phẩm của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, sản lượng tiêu thụ bị giảm nhiều, đặc biệt là sản phẩm phân Lân Văn Điển ở khu vực phía miền Trung – miền Nam – Tây Nguyên; khu vực tập trung cây công nghiệp, vùng sản xuất hàng hóa lớn và là nơi tiêu thụ sản phẩm chính của Công ty. Tiêu thụ giảm nên sản xuất giảm làm ảnh hưởng lớn đến đời sống và việc làm của người lao động. Áp lực tài chính ngày càng cao do hàng tháng Công ty phải thanh toán tiền ngay khi mua vật tư, nguyên nhiên liệu về phục vụ sản xuất và như than, điện (trước đây được chậm thanh toán) & các khoản bảo hiểm XH-YT-KPCĐ, thuế đất, cước vận chuyển... làm ảnh hưởng đến nguồn tài chính của Công ty. Dẫn đến làm giảm hiệu quả kinh doanh.

+ Thiếu lao động: số công nhân nghỉ việc nhiều (Đầu năm 2019 là 450 người giảm xuống hiện tại còn 335 người), số lao động mới tuyển không đủ bù đắp; tình trạng thiếu lao động dẫn tới người lao động phải làm thêm giờ nhiều; trong khi số lao động mới còn thiếu kinh nghiệm, chưa thích ứng với yêu cầu công việc, đòi hỏi phải có thời gian để đào tạo. Ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất, làm sản lượng sản xuất giảm.

1.2- Thuận lợi:

- Sản phẩm phân bón của Công ty có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước;
- Công ty có bề dày trên 50 năm sản xuất phân bón; đội ngũ cán bộ công nhân có kinh nghiệm, trình độ, tay nghề;
- Các hạng mục đầu tư khoa học công nghệ của Công ty từ các năm trước tiếp tục phát huy hiệu quả; sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo chất lượng tốt, có thương hiệu, là sản phẩm phân bón được người tiêu dùng tin nhiệm & các cơ quan quản lý Nhà nước đánh giá cao, phù hợp với thổ nhưỡng và các loại cây trồng trong cả nước.

1.3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2020

Trong bối cảnh nêu trên, Công ty đã thực hiện các giải pháp chính như sau:

- Kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị và kiện toàn nhân sự cán bộ điều hành;
- Ổn định tư tưởng người lao động;
- Duy trì lượng nguyên nhiên vật liệu dự phòng cho sản xuất ở mức tối thiểu;

- Tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh;
- Đầu tư khoa học kỹ thuật, cải tiến máy móc thiết bị để tăng năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm lao động;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới theo nhu cầu thị trường;
- Tăng cường các biện pháp tiếp thị; phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ;
- Xây dựng cơ chế bán hàng linh hoạt, phù hợp từng thời điểm của thị trường, từng đối tượng khách hàng.

Bằng các giải pháp như trên, trong năm 2020 Công ty đã đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như sau:

STT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện 2019	KH ĐHĐCĐ 2020	Thực hiện 2020	So sánh (%)	
						TH/KH	2020/2019
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	796,612	937,101	748,123	80	94
2	Nợ ngân sách	Tỷ đồng	12,148	17,109	15,065	88	124
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,042	37,135	27,287	73	91
4	Sản lượng sản xuất	Tấn	242.419	297.000	227.304	77	94
4.1	Phân lân	Tấn	202.276	255.000	192.020	75	95
4.2	Phân Supetecmo	Tấn	120	-	-	-	-
4.3	Phân NPK các loại	Tấn	40.023	42.000	35.284	84	88
5	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	240.394	287.000	225.931	79	94
5.1	Phân lân	Tấn	200.809	245.000	191.192	78	95
5.2	Phân Supetecmo	Tấn	95	-	3	-	-
5.3	Phân NPK các loại	Tấn	39.490	42.000	34.736	83	88

Nhận xét: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính chưa đạt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông 2020.

2- Tổ chức và nhân sự:

2.1- Danh sách Ban Tổng giám đốc và Phụ trách kế toán:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
1	Văn Hồng Sơn	Tổng giám đốc	0,04	
2	Chu Văn Thước	Phó Tổng giám đốc	0,01	
3	Phạm Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	0,01	
4	Nguyễn Thị Sen	Phụ trách kế toán		

2.2- Lý lịch tóm tắt:

1. Ông Văn Hồng Sơn	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/8/1965
Số Căn cước công dân:	040065000270 ngày 27/4/2018 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Quê quán:	Xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	Phòng A0909, Tứ Hiệp PLAZA - Thanh Trì- Hà Nội.
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489/0944001454
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí, cử nhân chính trị
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1990 đến 3/2000:	Kỹ sư cơ Phòng Cơ điện, Công ty phân đạm và hóa chất Hà Bắc
+ Từ 4/2000 đến 9/2000	Kỹ sư các Phân xưởng Lò cao, Sấy nghiên, Cơ điện Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 10/2000 đến 8/2001	Phó Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 9/2001 đến 11/2002:	Phó Quản đốc, Quản đốc Phân xưởng Cơ điện Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 12/2002 đến 29/6/2016:	Phó Phòng Kỹ thuật, Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 30/6/2016 đến 14/9/2018:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 15/9/2018 đến 13/11/2018:	Phó Tổng giám đốc Phụ trách Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
Từ 14/11/2018 đến 24/4/2019:	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Từ 25/4/2019 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

2. Ông Chu Văn Thước	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/5/1961
Số CMND/Hộ chiếu:	011782172 - cấp ngày 08/6/2007 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	Khu đô thị Pháp Vân-Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489/ 0913510480
Trình độ văn hóa:	10/10

Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1985 đến 1987:	Cán bộ Phòng Tổ chức lao động, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 1987 đến 1989:	Quyền Trưởng phòng Kế hoạch, Công ty phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 1989 đến 2001:	Trưởng phòng kinh tế, Công ty Phân lân Văn Điển.
+ Từ 2001 đến 2009:	Phó giám đốc Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 2010 đến 20/01/2015:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 21/01/2015 đến 29/3/2019:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay:	Tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển (đến khi có quyết định mới)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

3. Ông Phạm Quang Trung	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/11/1966
Số CMND:	012450055 ngày 28/5/2001 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	Tập thể Phân lân Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489/ 0916880303
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1993 đến 1995:	Kỹ sư cơ khí phân xưởng Lò cao, phân xưởng Sấy nghiên Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 1996 đến 2005:	Phó quản đốc Phân xưởng lò cao
+ Từ 2005 đến 2010:	Quản đốc phân xưởng Lò cao
+ Từ 12/2010 đến 03/2012:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 04/2012 đến 20/01/2015:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty

	cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 21/01/2015 đến 29/3/2019:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay:	Tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển (đến khi có quyết định mới)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

4. Bà Nguyễn Thị Sen	
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	15/01/1973
Số CMND:	164248169, cấp ngày 14/08/2013, tại Ninh Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú:	P912 Nơ 4 - khu đô thị Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489 / 0912 467 709
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
+ Từ 12/1992 đến 9/2014:	Kế toán viên, Công ty CP phân lân Ninh Bình
+ Từ 10/2014 đến 11/2015	Kế toán viên, Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 12/2015 đến 01/2019	Phụ trách kế toán kiêm Tổ trưởng tổ hành chính Ban QLDA đầu tư xây dựng "Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển" tại Khu B KCN Bim Sơn, Thanh Hóa (thuộc Công ty cổ phần phân lân nung chảy Văn Điển).
+ Từ 02/2019 đến 02/2019	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 03/2019 đến 12/2019	Phó phòng Tài chính kế toán; Phụ trách kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 01/2020 đến nay	Trưởng phòng Tài chính kế toán; Phụ trách kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng phòng Tài chính kế toán; Phụ trách kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

2.3- Những thay đổi trong Ban Tổng giám đốc và Phụ trách Kế toán:

- Từ ngày 24/02/2019 ông Phạm Quang Trung và ông Chu Văn Thước hết nhiệm kỳ bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc; Theo quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 29/03/2019, HĐQT Công ty giao 2 ông tiếp tục thực hiện chức trách nhiệm vụ của Phó Tổng giám đốc đến khi có quyết định mới thay thế.

2.4- Số lượng lao động bình quân năm 2020: 342 người.

2.5- Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

- Tuyển dụng lao động có trình độ, tay nghề để bổ sung cho sản xuất kinh doanh; đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động;

- Áp dụng các kiến nghị, ý tưởng sáng tạo, sáng kiến cải tiến của người lao động vào hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Đảm bảo việc làm, thu nhập; đảm bảo chế độ cho người lao động theo đúng quy định; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án năm 2020:

3.1. Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển.

a/. Khái quát dự án:

- Địa điểm: Khu B – khu CN Bim Sơn, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa.

- Quy mô: Phân lân nung chảy: 500.000 tấn/năm; Phân bón NPK: 200.000 tấn/năm.

- Tổng mức đầu tư: 1.291.619.455.265 đồng.

- Nguồn vốn: 30 % vốn Công ty và 70% vay thương mại.

b/. Tình hình thực hiện:

Trong năm 2020, dự án tiếp tục tập trung giải quyết tồn tại liên quan đến hợp đồng thuê lại đất với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng HUD4 và xử lý Hợp đồng thi công xây dựng Tường rào, công với Công ty CP Đầu tư xây dựng phát triển Đông Đô 9 –BQP.

c/. Về Hợp đồng thuê đất:

- Ngày 28/2/2020, Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp chủ trì hội nghị gồm đại diện Ban QL khu kinh tế Nghi Sơn, Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa, Công ty CP Đầu tư xây dựng HUD4 và Công ty CP Phân lân nung chảy để phối hợp giải quyết Hợp đồng thuê đất giữa Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển và Công ty HUD4. Theo đó, Ban QL KKT Nghi Sơn yêu cầu Công ty Văn Điển và Công ty HUD4 Thanh lý hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ-HUD4 ngày 31/5/2013 và ký hợp đồng thuê đất mới theo quy định hiện hành để tiến hành làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Văn Điển trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 28/2/2020. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất mới Công ty Văn Điển nộp hồ sơ xin điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và khởi công xây dựng công trình trong thời hạn không quá 180 ngày kể từ ngày được cấp Giấy CN ĐKĐT điều chỉnh.

- Ngày 30/6/2020, Thanh tra Bộ Công thương đã ban hành văn bản hướng dẫn số 460/TTB-P5 về biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ-HUD4 và hợp đồng thuê đất mới, Công ty đã tiếp tục đàm phán, thương thảo với Công ty HUD4.

- Ngày 06/8/2020, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có văn bản số 10669/UBND-NN về việc phối hợp giải quyết dứt điểm hợp đồng thuê đất giữa Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD4 với Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển. Trong văn bản chỉ đạo Sở Tài Nguyên và Môi trường, Ban QL khu kinh tế Nghi Sơn phối hợp giải quyết. Đồng thời yêu cầu Công ty CP Đầu tư và xây

dựng HUD4 với Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Công thương, UBND tỉnh Thanh Hóa và hướng dẫn của Sở, Ban ngành để giải quyết. Trường hợp hai Công ty không thể đàm phán, thỏa thuận thống nhất, Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển có thể khởi kiện ra cơ quan tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26/8/2020, Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp gửi văn bản số 2431/BQLKKTNS&KCN-QLĐT về việc phúc đáp văn bản số 1218/HCVN-ĐTĐXD ngày 20/7/2020 của Tập đoàn HCVN. Theo đó Ban QL khu kinh tế Nghi Sơn sẽ tiến hành các thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09/12/2020, Thanh tra Bộ Công thương đã tổ chức buổi làm việc để xem xét kết quả xử lý các vi phạm, tồn tại của Hợp đồng số 05/HĐTĐ-HUD4 ngày 31/5/2013. Thành phần gồm Thanh tra Bộ, Tập đoàn HCVN, Đại diện phần vốn tại Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển, Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD4. Thanh tra Bộ yêu cầu các đơn vị trao đổi, thống nhất việc xử lý những vi phạm, tồn tại của Hợp đồng số 05/HĐTĐ-HUD4; báo cáo, cung cấp các tài liệu liên quan về việc thực hiện Kết luận số 8990/KL-BCT. Kết luận buổi làm việc, Thanh tra Bộ Công Thương yêu cầu các bên nghiêm túc, khẩn trương thực hiện các kiến nghị của Bộ, các văn bản chỉ đạo, đôn đốc của Thanh tra Bộ; Công ty VADFCO và Công ty HUD4 đàm phán trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ theo tình hình thực tế, thống nhất để xử lý dứt điểm những tồn tại, vướng mắc của hợp đồng 05/HĐTĐ-HUD4 tránh phát sinh đơn thư khiếu kiện.

Trong năm 2020, trên cơ sở chỉ đạo của Thanh tra Bộ Công thương, UBND tỉnh Thanh Hóa và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa, Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển và Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD4 đã tổ chức nhiều cuộc họp nhưng không đạt kết quả; hai Công ty chưa thống nhất được các nội dung chính để thanh lý hợp đồng thuê đất cũ do đó không đủ cơ sở để thương thảo ký kết hợp đồng thuê đất mới..

d/. Về Hợp đồng thi công tường rào:

Do các vướng mắc của hợp đồng thuê đất số 05 nên hợp đồng xây dựng tường rào ký ngày 15/3/2018 đến nay chưa thực hiện được. Công ty có chủ trương thương thảo với nhà thầu để thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên đến nay hai Công ty vẫn chưa thống nhất được giá trị bồi thường.

• *Giá trị thực hiện:*

- Giá trị thực hiện năm 2020 : 0.00 triệu đồng
- Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020 : 99.992 triệu đồng

3.2. Dự án Nhà máy phân bón NPK Thái Bình:

- Công ty đã thuê đơn vị thẩm định giá để thẩm định giá các tài sản gắn liền trên đất, giá trị thẩm định là: 10.874.195.000 đồng.

- Sau khi Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phương án chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất thuộc dự án ĐTĐXD công trình nhà máy phân bón NPK Thái Bình, Công ty đã triển khai lựa chọn Tổ chức đấu giá và tiến hành bán đấu giá theo kế hoạch. Tuy nhiên cơ sở pháp lý liên quan đến việc bán đấu giá trên chưa đầy đủ. Sau khi được các cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn, Công ty đã hủy kết quả đấu giá và triển khai các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật..

3.3. Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2019:
 - + Dự án mua sắm phần mềm kế toán quản lý lao động tiền lương: giá trị hợp đồng 471,5 triệu đồng, giá trị thực hiện năm 2020: 322 triệu đồng. Dự án chuyển tiếp thực hiện sang 2021.

+ Dự án đầu tư mua sắm 02 hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục: Tổng giá trị hợp đồng là 4.500 triệu đồng, giá trị thực hiện năm 2020 là 2.250 triệu đồng. Dự án chuyển tiếp thực hiện sang 2021.

- Dự án đầu tư mua mới năm 2020: chuyển tiếp thực hiện sang 2021 gồm 02 dự án

+ Mua sắm Ô tô bán tải 5 chỗ ngồi, giá đầu tư: 738,97 triệu đồng

+ Mua sắm Máy nâng, giá đầu tư: 951,2 triệu đồng

3.4- Về đầu tư tài chính: không

3.5-Các công ty con, công ty liên kết: không.

4- Tình hình tài chính:

4.1- Tình hình tài chính:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ.đ	572,102	587,090	102,6
2	Doanh thu thuần	Tỷ.đ	796,612	748,123	93,9
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ.đ	28,794	27,349	95,0
4	Lợi nhuận khác	Tỷ.đ	-10,804	-0,062	0,6
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	17,990	27,287	151,7
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	11,982	21,557	179,9
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	2%	5,5%	275,0

Ghi chú: Mức trả cổ tức năm 2020 dự kiến là 5,5%; mức chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

4.2- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,67	3,75	
	<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>			
	+ Hệ số thanh toán nhanh	1,26	1,56	
	<i>TSLĐ - Hàng tồn kho</i>			
	<i>Nợ ngắn hạn</i>			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,22	0,22	
	+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,29	0,29	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho			
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,94	1,92	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,39	1,27	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,03	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,03	0,05	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,04	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,04	0,04	

5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2019:

5.1- Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 37.665.348 cổ phần;
- Loại cổ phần: phổ thông;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần;
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 37.665.348 cổ phần.

5.2- Cơ cấu cổ đông:

a- Theo cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% vốn điều lệ):

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100100061 ngày 29/8/2014	67,056%
2	Công ty TNHH Hoàng Ngân	02 Vũ Duy Thanh, Bích Đào, Ninh Bình	2700271351 ngày 26/6/2014	2,340%
3	Các cổ đông khác			10,604%
	Cộng			100%

5.3- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019: 376,653 tỷ đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020: 376,653 tỷ đồng.

5.4- Tình hình phát hành cổ phiếu: Không có.

5.5- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.6- Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty trong năm 2020:

6.1. Tác động lên môi trường:

6.1.1. Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

TT	Nguồn phát thải	ĐV	Khối lượng sử dụng	Hệ số phát thải CO ₂ (tấn CO ₂ /đvị)	Lượng phát thải khí CO ₂ (tấn)
1	Than	tấn	45.507,00	2,47	112.402,3

2	Dầu diesel	1000 lít	311,27	2,73	849,8
3	Xăng	1000 lít	6,91	2,408	16,6
4	Khí đốt (gaz)	Tấn	4,96	2,88	14,3
5	Điện năng	1000 kWh	9.417,00	0,913	8.597,7
	Cộng	Tấn			121.880,7

6.1.2. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Để tiết kiệm chi phí, giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ và để giảm lượng phát thải khí nhà kính phát thải ra ngoài môi trường luôn được Công ty quan tâm, dành nguồn lực để thay đổi thiết bị, công nghệ tiên tiến hơn. Trong thời gian qua, các sáng kiến, biện pháp đơn vị đang sử dụng để giảm thiểu phát thải khí nhà kính bao gồm:

- Tận dụng gió nóng từ khí thải của lò cao để nung nóng không khí lên 200°C trước khi dẫn vào lò cao, tiết kiệm được than tại Phân xưởng Lò cao.

- Định kỳ đại tu, sửa chữa thiết bị để thiết bị sản xuất ổn định, định mức sử dụng than thấp, giảm lượng than tiêu thụ tại Phân xưởng Lò cao và Sấy nghiền.

- Thay thế các động cơ có công suất dư bằng các động cơ có công suất phù hợp để tiết kiệm điện năng tiêu thụ.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm:

TT	Loại nguyên liệu	ĐV	Tiêu thụ năm 2020
1	Quặng Apatit	tấn	128.717
2	Quặng sà vân	tấn	60.509
3	Quặng sa thạch	tấn	23.647
4	Than	tấn	45.507
	Cộng	tấn	258.380

b. Tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2020: Đóng bánh quặng mịn được 44.590 tấn, triệt tiêu hoàn toàn chất thải rắn. Đưa vào sử dụng 43.832 tấn, chiếm 20,6% tổng lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất.

6.3. Tiêu thụ năng lượng trong năm 2020:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Các loại nhiên liệu tiêu thụ:

TT	Loại nhiên liệu	ĐV	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Than	tấn	45.507	Sản xuất phân lân nung chảy
2	Dầu diesel	lít	311.272	Sử dụng để chạy các phương tiện vận

				tải, các máy phục vụ, máy phát điện
3	Xăng	lít	6.919	Sử dụng để chạy ô tô
4	Khí đốt (gaz)	kg	4.965	Sử dụng để cắt kim loại, nấu ăn

- Điện năng tiêu thụ:

TT	Nội dung	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
1	Điện	kWh	9.417.000
2	Giá điện (ghi rõ 3 giá)	đồng/kWh	Cao điểm: 3.076 Thấp điểm: 1.100 Trung bình: 1.685
3	Chi phí điện	đồng	18.220.205.000

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện:

TT	Bộ phận	Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	
		Nội dung giải pháp	Kết quả thực hiện
1	Khu vực văn phòng, các đơn vị sản xuất.	Giải pháp thay thế tiếp bóng đèn tuýp T5, T8, T10 công suất 20, 28, 36, 40W bằng bóng đèn LED công suất 10, 18W; Bóng đèn compac 50W bằng bóng LED 35W; duy trì việc sửa chữa, thay thế loại bóng đèn tiết kiệm điện.	Đã thay 30 bộ bóng đèn LED (đã thay hết). Mức tiết kiệm điện 6 kWh/ngày, Tiết kiệm chi phí 4,2 Tr. đồng/năm
2	Các dây chuyền sản xuất	Tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất hợp lý; thay đổi công suất một số động cơ, thiết bị có công suất phù hợp với tính năng, thay đổi kết cấu giảm tốc, giảm tổn thất điện năng do chạy non tải.	Tiết kiệm năng lượng 2,0 kWh/tấn SP (so với định mức), tiết kiệm 740 triệu đồng/năm.
3	Tiết kiệm năng lượng xăng dầu trong vận chuyển phục vụ sản xuất và tiêu thụ	Tăng cường công tác quản lý ô tô, xe máy; Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ; Duy trì camera hành trình đối với các xe vận chuyển ngoài, giảm tiêu hao xăng dầu.	Tiết kiệm nhiên liệu 25.500 lít dầu diesel/năm (so với định mức), tương đương 317 triệu đồng/năm.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); kết quả của sáng kiến này năm 2020:

- Bảng sáng chế năm 1991 – Lò cao sản xuất phân lân nung chảy; năm 2020 làm lợi 8,0 tỷ đồng.

- Giải pháp hữu ích số HI 0031 – Đóng quặng bánh tận thu 100% phế thải rắn; năm 2019 đưa và sử dụng 43.632 tấn, làm lợi 7,90 tỷ đồng.

- Chế tạo và lắp đặt 2 silo chứa ximăng đưa vào vận hành tại khu vực máy ép số 2 và máy ép số 3, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất. Năm 2020 làm lợi khoảng 600 triệu đồng.

- Chế tạo và lắp đặt dây chuyền sàng than hoạt động ổn định, đảm bảo năng suất, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí và nhân công trong sản xuất (giảm 12 lao động). Năm 2020 làm lợi khoảng 450 triệu đồng.

- Dùng máy xúc thủy lực thay cho công nhân bốc quặng bánh cấp vào lò cao, giảm được 10 lao động; năm 2020 làm lợi 400 triệu đồng.

- Cài tạo hệ thống cấp liệu vào các lò cao (chế tạo 03 xe goòng sử dụng cân Loadcell điện tử và động cơ điện để cân phối liệu từ phễu thay cho công tác đẩy xe goòng bằng thủ công) cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất (giảm được 19 lao động). Năm 2020 làm lợi 1,80 tỷ đồng.

- Chế tạo và lắp đặt hệ thống băng tải chuyển Ab từ ngoài bãi nguyên liệu vào phễu Ab lò cao, tiết kiệm chi phí (nhiên liệu, xe vận chuyển và chi phí ép ép Ab do giảm lượng mìn phát sinh). Năm 2020 làm lợi khoảng 450 triệu đồng.

- Sử dụng dây đai Sling đóng các bịch lân 2,0 tấn để xuất hàng đã giảm được nhân công lao động khi xuất hàng lân tại Phân xưởng Sấy nghiên, sử dụng máy nâng để xuất hàng thay cho nhân công bốc thủ công đã nâng cao năng suất, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động.

- Sửa chữa băng tải, chế tạo dưỡng, thay thế phương án xếp bao vào đai Sling, giảm cường độ làm việc cho người lao động tại Phân xưởng Sấy nghiên.

6.4. Tiêu thụ nước trong năm 2020:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước ngầm tự khai thác: 450-:650m³/ngày đêm. Năm 2020 đã khai thác 181.910m³.

- Giấy phép khai thác nước sử dụng nước dưới đất; Giấy phép số 436/GP-BTNMT ngày 14/3/2011 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Lượng nước thải được cấp phép cao nhất 500 m³/ngày đêm. Hiện tại toàn bộ nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt và một phần nước mưa đã được xử lý bằng tuần hoàn nên đã triệt tiêu toàn bộ nước thải; không xả nước thải ra môi trường; tiết kiệm mỗi năm khoảng 12-:14 triệu m³ nước.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Là đơn vị sản xuất phân bón trên địa bàn thủ đô Hà Nội, công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu; Công ty đã thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về môi trường của Nhà nước và thành phố Hà Nội.

- Đã lập báo cáo tác động môi trường (ĐTM) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các quy định trong quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc hệ thống khí thải tự động liên tục (quan trắc online).

- Không ngừng đổi mới các biện pháp giám sát, quản lý, giáo dục về môi trường.

- Không ngừng đầu tư khoa học công nghệ để đảm bảo, cải thiện môi trường.

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng CBCNV (tính đến ngày 31/12/2020): 340 người

+ Thu nhập bình quân năm 2020: 9.300.000 đồng/người/tháng

+ Hình thức trả lương: Tạm ứng giữa kỳ lương từ ngày 18 đến ngày 20 của tháng; Thanh toán cuối kỳ lương từ ngày 8 đến ngày 15 tháng sau

+ Hàng tháng, quý, năm căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và những yếu tố kinh tế, xã hội khác, đề động viên người lao động trong lao động, đem lại hiệu quả cao trong sản xuất trên cơ sở quỹ tiền lương Công ty chi thêm tiền bổ sung theo lương.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động:

+ Chế độ làm việc: 8h/ngày; Từ 5 - đến 6 ngày/tuần.

Làm việc theo giờ hành chính bắt đầu 7h30 kết thúc 16h15, trưa nghỉ 45 phút từ 11h30 đến 12h15 ăn cơm.

Công nhân trong dây chuyền sản xuất làm việc theo ca: ca 1 bắt đầu từ 7h, kết thúc 15h; Ca 2 bắt đầu 15h kết thúc 23h; ca 3 bắt đầu 23h kết thúc 7h; Trong ca thay nhau nghỉ để ăn giữa ca.

+ Các chế độ nghỉ ốm, thai sản, điều dưỡng: Thực hiện theo luật bảo hiểm xã hội

+ Các chế độ nghỉ phép, chế độ đối với lao động nữ, nuôi con nhỏ: Thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước.

+ Được cấp phát toàn bộ trang thiết bị BHLĐ.

+ Chính sách thưởng, phúc lợi: người lao động, căn cứ vào nguồn tiền thưởng hàng năm được trích để tính thưởng cho từng người.

- Các chế độ khác: Ngoài được hưởng các chế độ theo bộ luật lao động, luật BHXH người lao động được ăn 2 bữa cơm ca /1 ca làm việc và hàng năm được đi tham quan, nghỉ mát theo quy định của Công ty.

- Chế độ hiếu hỷ thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

c) Chế độ đào tạo:

- Kinh phí học tập để phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty do Công ty chi trả 100 %

- Người lao động đi học theo yêu cầu công việc, do Công ty cử đi thì những ngày đi học được hưởng lương theo quy chế trả lương của Công ty

- Người lao động đi học không do Công ty cử đi, hoặc các ngành nghề Công ty không có nhu cầu thì phải tự túc kinh phí và thời gian

- Người lao động tự đi học để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ cho công việc của mình thì tùy theo khả năng tài chính của Công ty, Công ty hỗ trợ một phần kinh phí

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương:

Năm 2020 đã ủng hộ công tác xã hội, từ thiện, quỹ An sinh Tập đoàn hóa chất Việt Nam số tiền 241,7 triệu đồng bao gồm: quỹ an sinh Tập đoàn 60 triệu đồng, các quỹ khác 181,7 triệu đồng.

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a - Ngoài khó khăn đã nêu ở trên thì trong năm 2020, sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng lớn bởi dịch Covid – 19, mặc dù đã được kiểm soát nhưng vẫn còn nguy cơ tái diễn. Ngoài ra, những trận bão và lũ quét lịch sử vào tháng 10, tháng 11 vừa qua đã gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế Việt Nam nói chung, đặc biệt là đối với những tỉnh miền Trung từ Nghệ An đến Phú Yên. Đối với Công ty cũng bị ảnh hưởng không nhỏ, cụ thể:

- + Nguồn nhân sự cho sản xuất tuyển dụng khó;
- + Nguyên liệu đầu vào thu mua khó khăn do hàng hóa Trung Quốc khó thông quan và đội giá thành lên cao hơn;
- + Tiêu thụ sản phẩm chậm do vận chuyển, lưu thông hàng hóa khó khăn tại các vùng có dịch và bão lũ; hàng hóa nông sản không tiêu thụ được nên sức mua của nông dân giảm do thiếu vốn;

+ Các hoạt động thị trường như tập huấn, hội thảo ở các địa phương bị hạn chế.

Những yếu tố trên đã làm cho công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, sản lượng tiêu thụ tại các vùng miền đều sụt giảm, để bán được hàng bắt buộc Công ty phải có cơ chế phù hợp như giảm giá bán, tăng chiết khấu bán hàng, dẫn đến làm giảm hiệu quả kinh doanh. Hơn nữa chỉ tiêu lợi nhuận sẽ giảm đáng kể là do có nhiều yếu tố khách quan đã tác động vào làm tăng chi phí sản xuất ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động và giảm lợi nhuận của công ty. Trước thực tế rất nhiều khó khăn như:

b- Với những khó khăn như trên Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp phù hợp để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông giao; cụ thể như sau:

- Ổn định tư tưởng cho cán bộ CNV, thông qua các việc làm thiết thực như: Đảm bảo đời sống việc làm, lương thưởng; đảm bảo thực hiện đúng các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước đối với người lao động. Quan tâm giải quyết các kiến nghị của người lao động, tránh gây bức xúc cho người lao động từ các khâu trung gian. Phát huy được tính làm chủ của người lao động, tăng cường sự giám sát các mặt sản xuất kinh doanh. Không ngừng cải tiến, cải tạo máy móc thiết bị để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cải thiện môi trường.

- Tập trung công tác đào tạo: Đào tạo lý thuyết, tay nghề cho công nhân, đào tạo tại chỗ, thực tế cho từng cương vị, người cũ hướng dẫn người mới để người mới nhanh chóng nắm bắt quy trình công nghệ, thao tác để nâng cao tay nghề đảm đương được các cương vị. Thường xuyên huấn luyện về an toàn BHLĐ, phòng chống cháy nổ, đảm bảo sản xuất an toàn hiệu quả.

- Tăng cường các biện pháp tổ chức quản lý:

+ Tiến hành kiện toàn về tổ chức; cải tiến công tác quản lý dựa trên nguyên tắc tinh giảm, đúng người đúng việc và nâng cao chất lượng cán bộ, hiệu quả công việc; đào tạo và đào tạo lại để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời kỳ mới.

+ Tiếp tục xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

+ Sản xuất dự trữ Phân bón vừa đủ theo kế hoạch và nhu cầu thị trường, đảm bảo tồn kho hợp lý để tăng hiệu quả sử dụng vốn và không suy giảm chất lượng sản phẩm.

+ Quản lý chặt chẽ công tác mua sắm vật tư, nguyên nhiên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý; quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng hàng hóa tại các kho dự trữ.

- Tiếp tục đầu tư các biện pháp KHKT:

+ Cải tiến công tác vận hành thao tác, công nghệ lò cao nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, để giảm số lần chết lò, giảm định mức tiêu hao than và đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Tiếp tục cơ giới hóa hợp lý các khâu trong sản xuất; áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, đảm bảo môi trường, tận thu sản phẩm.

- Đẩy mạnh công tác thị trường và bán hàng:

+ Tăng cường đầu tư cho công tác thị trường, phát triển các đại lý bán hàng mới tại khu vực, đảm bảo cung ứng hàng kịp thời, đầy đủ; Không bán hàng theo hình thức bán hàng ứng vốn 01 vụ cho dân (bán chậm thanh toán như các năm trước đây). Đề ra các chính sách bán hàng, giá cả, thời điểm chuyển kho từng thời kỳ hợp lý để tăng sức cạnh tranh, đem lại hiệu quả cao nhất; đặc biệt là tăng lượng hàng chuyển trực tiếp về kho khách hàng phía Nam để giảm lượng hàng tại các kho dự trữ, giảm chi phí thuê kho.

+ Đầu tư hợp lý và hiệu quả cho công tác tuyên truyền quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, tạp chí, treo các băng rôn, biển hiệu tại các cửa hàng, đại lý tiêu thụ sản phẩm).

+ Kết hợp với các nhà khoa học (Viện KHNN Việt Nam, TT khuyến nông Quốc gia, TT giống cây trồng, Sở Nông nghiệp các tỉnh, Tổ chức Hội các tỉnh) để xây dựng các mô hình thực nghiệm cho cây chè, cây lúa, cây mía, cây dứa, cây cam và các cây công nghiệp khác tại các vùng miền và triển khai tổ chức các hội nghị khách hàng, hội thảo, hội nghị đầu bờ để trao đổi kinh nghiệm & hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón cho nông dân tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung - Tây nguyên - Nam bộ.

+ Tiếp tục đưa cán bộ thị trường vào khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên để theo dõi nắm bắt thị trường và nghiên cứu phát triển thêm đại lý mới.

+ Đa dạng hóa phương thức vận chuyển, hợp đồng với nhiều đơn vị vận tải để tránh độc quyền, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu chuyển kho, tiêu thụ.

c- Kết quả đạt được:

Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để ổn định, tiết giảm chi phí trong sản xuất, tiêu thụ, giữ thị trường; kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Sản lượng tiêu thụ cả năm 2020 giảm 6% so với cùng kỳ năm 2019, dẫn tới doanh thu giảm 6% so với cùng kỳ năm 2019; lợi nhuận giảm 9% so với cùng kỳ năm 2019. Sản lượng sản xuất cả năm 2020 đạt 227.304 tấn phân bón các loại, bằng 94% so với cùng kỳ năm 2019. Năm 2020, mặc dù sản lượng xuất khẩu tăng so với kế hoạch và so với thực hiện năm 2019 nhưng sản lượng tiêu thụ nội địa giảm sâu, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận đều giảm.

Mặc dù còn vô vàn khó khăn, trong điều kiện không chỉ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong nước mà các đơn vị xuất nhập khẩu cũng chịu rất nhiều ảnh hưởng, mức giảm sản lượng sản xuất, tiêu thụ cũng như Doanh thu, lợi nhuận trong năm 2020 của Công ty là chấp nhận được, Công ty là 1 trong rất ít đơn vị đạt được kết quả SXKD năm 2020 rất đáng ghi nhận trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong nước sụt giảm hiệu quả kinh doanh nghiêm trọng.

Những tiến bộ khác đạt được trong năm 2020:

- Trình độ công nghệ sản xuất được nâng cao; các máy móc, thiết bị về cơ bản được đầu tư, cải tạo, sửa chữa nên đã đáp ứng yêu cầu, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, cải thiện môi trường. Đặc biệt, năng lực chế tạo, lắp đặt máy móc thiết bị của Công ty được nâng cao;
- Áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, góp phần tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm;
- Các thị trường tiêu thụ truyền thống cả trong và ngoài nước được giữ vững trong bối cảnh cạnh tranh rất gay gắt;
- Thực hiện đầy đủ các chế độ, đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động trong bối cảnh ngành phân bón trong nước gặp rất nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoặc giảm hoạt động.

2-Tình hình tài chính

2.1- Tình hình tài sản:

Vốn chủ sở hữu, tài sản của Công ty tính đến 31/12/2020 như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	444,160	456,871
2	Vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ.đ	376,653	376,653
3	Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ.đ	51,890	52,866
4	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	3,282	3,282
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tỷ.đ	12,335	24,070
6	Tổng tài sản	Tỷ.đ	572,102	587,090

Các tài sản được đầu tư và sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả của tài sản.

Hiệu quả sử dụng vốn năm 2020 của Công ty được đánh giá qua các chỉ số tài chính, cụ thể như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,70%	4,72%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,09%	3,67%

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn năm 2020 cao hơn so với năm 2019; Công ty vẫn bảo toàn và sử dụng vốn có hiệu quả.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty có số dư tiền gửi ngân hàng là 39,401 tỷ đồng, trong đó khoảng 20 ty gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 3,7-4,2%/năm:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020
1	Tiền mặt	Tỷ.đ	0,330	1,735
2	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	Tỷ.đ	26,374	39,401
3	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	Tỷ.đ	0,000	0,000
4	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng	Tỷ.đ	20,000	20,000
	Cộng		46,704	61,136

Công nợ phải thu:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020
	Tổng nợ phải thu	Tỷ.đ	86,323	123,951
1	Phải thu khách hàng	Tỷ.đ	80,765	114,725
2	Trả trước cho người bán	Tỷ.đ	3,454	3,838
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	Tỷ.đ	1,141	1,141
4	Các khoản phải thu khác	Tỷ.đ	2,857	1,096
5	Dự phòng phải thu khó đòi	Tỷ.đ	(1,894)	-3,151
	Một số chỉ tiêu cơ bản			
1	Tỷ lệ nợ phải thu khó đòi/tổng nợ phải thu		2,19%	2,68%
2	Vòng quay của các khoản phải thu (=Doanh thu thuần/số dư phải thu khách hàng)		9,863	6,521

Nợ phải thu chủ yếu là tiền bán hàng. Công ty đã thực hiện quản lý công nợ theo đúng các quy chế, quy định của Công ty.

Nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2020 là 3,151 tỷ đồng. Trong năm 2020 không phát sinh thêm nợ phải thu khó đòi, số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng so với năm 2019 là số dư nợ các khách hàng đã phát sinh từ những năm 2016,2017 và công ty đã áp dụng mọi biện pháp để thu hồi nợ nhưng để đảm bảo an toàn tài chính nên Công ty đã trích lập số nợ này vào năm tài chính 2020. Một số khoản công nợ đã phát sinh nhiều năm, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng và đã thực hiện các biện pháp để thu hồi công nợ như khởi kiện ra toà.

Ngoài khoản công nợ này, Công ty không có khoản công nợ phải thu khó đòi hay tài sản khó thu hồi nào khác làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

2.2- Tình hình nợ phải trả:

Công nợ phải trả:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020
	Tổng nợ phải trả	Tỷ.đ	127,940	130,218
A	Nợ ngắn hạn	Tỷ.đ	127,940	130,218
1	Phải trả người bán	Tỷ.đ	83,519	89,429
2	Người mua trả tiền trước	Tỷ.đ	0,895	2,244
3	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ.đ	0,740	1,859
4	Phải trả người lao động	Tỷ.đ	16,987	16,392
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	Tỷ.đ	1,343	1,607
6	Phải trả ngắn hạn khác	Tỷ.đ	22,209	17,922
7	Dự phòng phải trả ngắn hạn	Tỷ.đ		
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ.đ	2,247	0,765
B	Nợ dài hạn	Tỷ.đ	0,000	0,000

Tình hình tài chính của Công ty đảm bảo cho khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn; cụ thể các chỉ tiêu đánh giá chung như sau:

* Khả năng thanh toán nợ	31/12/2019	31/12/2020
- Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản:	0,224	0,222
- Khả năng thanh toán hiện hành:	3,67	3,75
(Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)		
* Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu:	0,288	0,285

Công ty có đủ khả năng thanh toán hiện hành.

Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2020: 0,285 lần đang trong tỷ lệ an toàn theo quy định của Nhà nước.

Trong năm Công ty có xuất khẩu phân lân và phân NPK, đồng tiền trong giao dịch này sử dụng là ngoại tệ; tuy nhiên doanh thu và các khoản thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không cao trong tổng doanh thu của Công ty (khoảng 4% tổng doanh thu), do đó rủi ro từ tỷ giá hối đoái rất thấp.

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tăng cường đào tạo, bổ nhiệm cán bộ có trình độ;
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành tại tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh;
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy định về quản lý;
- Quản lý chặt chẽ quá trình mua sắm vật tư;
- Sản xuất, dự trữ vừa đủ theo kế hoạch và nhu cầu thị trường; hạn chế tối đa lượng hàng tồn;

- Đẩy mạnh cải tiến công nghệ lò cao; cơ giới, hợp lý hóa các khâu trong sản xuất, áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, đảm bảo môi trường;

- Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm mới, cải tiến mẫu mã bao bì, đáp ứng nhu cầu thị trường;

- Đẩy mạnh công tác thị trường, tiêu thụ cả trong và ngoài nước.

4- Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Tiếp tục thực hiện những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý như:

- Tăng cường đào tạo, bổ nhiệm cán bộ có trình độ;

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành tại tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh;

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy định về quản lý;

- Quản lý chặt chẽ quá trình mua sắm vật tư;

- Sản xuất, dự trữ vừa đủ theo kế hoạch và nhu cầu thị trường; hạn chế tối đa lượng hàng tồn;

- Đẩy mạnh cải tiến công nghệ lò cao; cơ giới, hợp lý hóa các khâu trong sản xuất, áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, đảm bảo môi trường;

- Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm mới, cải tiến mẫu mã bao bì, đáp ứng nhu cầu thị trường;

- Đẩy mạnh công tác thị trường, tiêu thụ cả trong và ngoài nước.

- Tiếp tục kiện toàn bộ phận đầu tư xây dựng.

4.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

* Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021:

a. Khó khăn và thuận lợi:

- Khó khăn: Ngoài các khó khăn trong năm 2020 tiếp tục ảnh hưởng; trong năm 2021, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do thiếu lao động, giá nguyên nhiên liệu chính (đạm, kali...) tăng cao, giá cước vận chuyển vẫn ở mức cao, giá nông sản còn thấp (chưa có dấu hiệu phục hồi), thời tiết diễn biến bất thường không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, sự cạnh tranh trên thị trường phân bón ngày càng gay gắt; đặc biệt tình hình và diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 cũng làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thuận lợi: Công ty có bề dày trên 50 năm sản xuất phân bón; đội ngũ cán bộ công nhân có kinh nghiệm, trình độ, tay nghề; các hạng mục đầu tư khoa học công nghệ của Công ty từ các năm trước tiếp tục phát huy hiệu quả; sản phẩm phân bón của Công ty có thương hiệu, được người tiêu dùng tin nhiệm...

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

- * Tổng doanh thu: **780,000** tỷ đồng;

- Lợi nhuận trước thuế: **30,000** tỷ đồng;

- Tổng sản lượng sản xuất: 236.500 tấn phân bón các loại.

- Tổng sản lượng tiêu thụ: 226.500 tấn phân bón các loại

c. Các biện pháp thực hiện:

- Về tổ chức, quản lý: Bố trí, sắp xếp lại các Phòng nghiệp vụ. Kiện toàn cán bộ theo hướng tinh giảm. Tập trung đào tạo, tuyển dụng lao động phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Tăng cường các biện pháp tổ chức, quản lý, điều hành để ổn định sản xuất, tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất;

- Về sản xuất kinh doanh: Tiếp tục thực hiện các biện pháp đầu tư khoa học kỹ thuật, cải tiến hợp lý hóa sản xuất. Nghiên cứu cải tiến mẫu mã bao bì, sản xuất sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường. Tiếp tục thực hiện các biện pháp hiệu quả để giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Về đầu tư xây dựng:

+ Mua sắm các máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh;

+ Đối với Dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa”: Tiếp tục đàm phán với Công ty HUD4 để giải quyết những tồn tại của Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ-HUD4; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty.

Sau khi hoàn tất thương thảo với HUD4 để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng quản trị tổ chức rà soát, tính toán hiệu quả dự án để báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2019: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty trong năm 2020

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, xử lý chất thải)*

Với các biện pháp và kết quả đạt được tại các mục 6.1 -:- 6.4 phần II nêu trên; trong năm 2020 các chỉ tiêu về môi trường đều được Công ty thực hiện tốt hơn, đạt và đều thỏa mãn tiêu chuẩn cho phép. Mức tiêu thụ nước, năng lượng, xử lý chất thải luôn ở mức tiết kiệm và tiên tiến so với thế giới. Do vậy đã góp phần bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm chi phí sản xuất.

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

Việc tuyển dụng lao động gặp nhiều khó khăn, lao động nghỉ việc nhiều (năm 2019 là 455 người giảm xuống hiện tại còn 340 người); số lao động mới còn thiếu kinh nghiệm, chưa thích ứng với yêu cầu công việc, đòi hỏi phải có thời gian để đào tạo. Tình trạng thiếu lao động dẫn tới nhiều khó khăn trong bố trí lao động phục vụ kế hoạch sản xuất sản phẩm phục vụ thị trường.

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

Công ty là đơn vị dẫn đầu huyện Thanh Trì trong công tác xã hội - từ thiện, là đơn vị tích cực tham gia đóng góp các quỹ từ thiện, xã hội của địa phương và Tập đoàn hóa chất Việt Nam. Tham gia tích cực trong các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự xã hội trên địa bàn.

IV- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2020

1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Ngay từ đầu năm 2020, hoạt động của ngành sản xuất kinh doanh phân bón trong nước nói chung và của Công ty nói riêng tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là chịu ảnh hưởng lớn từ hệ lụy của dịch Covid-19. Tuy nhiên, với các giải pháp đồng bộ, tích cực trên tất cả các mặt tổ chức, sản xuất kinh doanh; hoạt động của Công ty trong năm 2020 là tương đối ổn định, cụ thể:

- Về tổ chức: Kiện toàn nhân sự, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025, cơ cấu bộ máy tổ chức và nhân sự quản lý;
- Về lao động: Đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Về quản lý: Chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tế sản xuất kinh doanh;
- Về công nghệ: Được cải tiến, nâng cao trình độ;
- Về sản xuất: Ổn định, tăng cường tiết giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động;
- Về thị trường, tiêu thụ: Thị trường được giữ vững, mở rộng;
- Về tài chính kế toán: Thực hiện đúng quy định của Nhà nước và Công ty; tình hình tài chính của Công ty lành mạnh;
- Về đầu tư xây dựng: Đáp ứng cơ bản nhu cầu máy móc thiết bị cho sản xuất kinh doanh;
- Về trách nhiệm đối với người lao động, môi trường, xã hội: Đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về chế độ đối với người lao động; thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về môi trường; tích cực tham gia các chương trình xã hội, từ thiện.
- Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020: Trong năm 2020, hoạt động của ngành sản xuất kinh doanh phân bón trong nước nói chung và của Công ty nói riêng tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính chưa đạt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông 2020.

2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; góp phần giúp Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt kết quả tốt nhất trong bối cảnh ngành phân bón gặp rất nhiều khó khăn; các danh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón gặp nhiều khó khăn, kinh doanh không hiệu quả; chịu nhiều tác động và hệ lụy của dịch bệnh Covid-19.

3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2021:

Sau khi xem xét các mặt hoạt động của Công ty năm 2020 và dự kiến tình hình năm 2021, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như đã nêu ở mục 4.b phần III nêu trên.

Để thực hiện được kế hoạch đề ra, cần thực hiện các giải pháp sau đây:

- a- Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật và của Công ty; đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành;

- Tăng cường phối hợp với Ban kiểm soát để nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động của Công ty;
- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, làm cơ sở cho mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tiếp tục hoàn thiện với mục tiêu phát triển bền vững;
- Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận nội dung tố cáo số 8990/KL-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương;
- Kiểm tra, rà soát, đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện Dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa”.

2- Hội đồng quản trị định hướng, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiện toàn khâu cán bộ; cải tiến công tác quản lý trên nguyên tắc tinh giảm đúng người, đúng việc; nâng cao chất lượng cán bộ, hiệu quả công việc; đào tạo và đào tạo lại, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong tình hình mới;
- Tập trung cao độ, linh hoạt, bám sát thực tế trong công tác quản lý, điều hành;
- Tập trung phát triển và giữ vững thị trường tiêu thụ;
- Chú trọng nhân tố con người;
- Áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm;
- Phát triển sản phẩm mới; củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước;
- Triển khai các dự án đảm bảo hiệu quả;
- Đảm bảo vệ sinh môi trường-an toàn lao động theo quy định của Nhà nước.
- Thực hiện đúng các chế độ, đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Quan tâm, hưởng ứng các phong trào xã hội, từ thiện do địa phương và các tổ chức phát động.

V- Quản trị công ty

1- Hội đồng quản trị:

a- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân/đại diện sở hữu (%)	Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
1	Lê Ngọc Quang	Chủ tịch HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0,06 - Đại diện sở hữu: 27,06	
2	Nguyễn Thị Xuân Quyên	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0	

			- Đại diện sở hữu: 25	
3	Văn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0,04 - Đại diện sở hữu: 15,04	
4	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0,03 - Đại diện sở hữu: 22,34	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hoàng Ngân. Địa chỉ: Vũ Duy Thanh, Bích Đào, Ninh Bình.
5	Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT độc lập	- Sở hữu cá nhân: 0,41 - Đại diện sở hữu: 0	

Ghi chú:

- Các thành viên từ mục 1 đến mục 3: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam;

- Thành viên mục 4: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Công ty TNHH Hoàng Ngân;

- Thành viên mục 5: Thành viên HĐQT độc lập.

- Tại thời điểm báo cáo, số lượng và cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị Công ty như sau:

+ Số lượng: 5 thành viên;

+ Cơ cấu: 4 thành viên đại diện sở hữu của cổ đông lớn; 01 thành viên HĐQT độc lập

b- Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có

c- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong bối cảnh khó khăn của ngành sản xuất kinh doanh phân bón trong nước nói chung và của Công ty nói riêng; để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị Công ty và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông giao; Hội đồng quản trị đã nêu cao quyết tâm, đoàn kết nhất trí, thường xuyên tổ chức các cuộc họp (trong năm đã tổ chức 6 cuộc họp chính thức và 19 lần tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản). Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị tập trung vào các vấn đề sau:

- Trình Đại hội đồng cổ đông bầu nhân sự Hội đồng quản trị, BKS nhiệm kỳ 2020-2025;

- Bổ sung, sửa đổi các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp thực tế hoạt động của Công ty;

- Chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Công ty như tài chính kế toán, tiêu thụ sản phẩm, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh-đầu tư xây dựng; giải quyết các tồn tại của Dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa”;

- Xem xét, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành;

* Triển khai thực hiện Kết luận nội dung tố cáo số 8990/KL-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương.

* Các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của Hội đồng quản trị năm 2020:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT	16/01/2020	<p>1- Chấp thuận tổng mức chi phí đầu tư thị trường năm 2020 không quá 20,641 tỷ đồng.</p> <p>2- Giao Tổng giám đốc tiếp thu ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến nội dung này, hoàn thiện, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch thị trường năm 2020 đảm bảo thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Việc triển khai phải phù hợp với quy định của Công ty và quy định của pháp luật. Định kỳ (theo Quý) báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.</p>
2	04/TB-HĐQT	16/01/2020	<p>1- Chấp thuận tổng mức chi phí đầu tư thị trường năm 2020 không quá 20,641 tỷ đồng theo đề nghị tại Tờ trình số 539/TTr-PLVĐ ngày 31/12/2018 của Tổng Giám đốc.</p> <p>2- Giao Tổng giám đốc tiếp thu ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến nội dung này, hoàn thiện, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch thị trường năm 2020 đảm bảo thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Việc triển khai phải phù hợp với quy định của Công ty và quy định của pháp luật. Định kỳ (theo Quý) báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.</p> <p>3- Giao Tổng giám đốc căn cứ ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị chỉ đạo các đơn vị có liên quan hoàn thiện Tờ trình số 02/TTr-PLVĐ ngày 08/01/2020 của Tổng giám đốc về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và các tài liệu có liên quan trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trong cuộc họp gần nhất.</p>
3	09/NQ-HĐQT	21/01/2020	<p>1- Ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.</p> <p>2- Giao Tổng giám đốc tiếp tục xây dựng và phát triển mạng lưới phân phối và tiêu thụ sản phẩm; phấn đấu trong năm 2020 mỗi tỉnh thành có một nhà phân phối chính thức (đại lý cấp I).</p> <p>3- Chấp thuận Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 02/TTr-PLVĐ ngày 08/01/2020 của Tổng giám đốc.</p> <p>4- Chấp thuận điều chỉnh tất toán nguồn về chi phí đầu tư xây dựng công trình Dự án “Nhà máy phân bón NPK Thái Bình” theo Tờ trình số 06/TTr-PLVĐ ngày 18/01/2020 của Tổng giám đốc về việc điều chỉnh tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình: Dự án Nhà máy phân bón NPK Thái Bình.</p>

			5- Thống nhất chủ trương về việc rà soát, bố trí lại và điều chỉnh công năng sử dụng của: Công, trạm điện, kho bãi, vật kiến trúc,... và các hạng mục khác trong Công ty đảm bảo hợp lý, khoa học nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng. Giao Tổng giám đốc nghiên cứu, triển khai theo quy định, báo cáo Hội đồng quản trị.
4	10/QĐ-HĐQT	21/01/2020	Về việc điều chỉnh, sửa đổi Quyết định số 24/QĐ-HĐQT ngày 29/3/2019 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt Quyết toán dự án dừng thực hiện vĩnh viễn “Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy phân bón NPK Thái Bình”.
5	12/QĐ-HĐQT	25/02/2020	<p>1- Chấp thuận đề Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển ký hợp đồng với Công ty TNHH Hoàng Ngân để mua bán quặng secpentin, bột secpentin, đá sa thạch, xi măng, vận chuyển hàng hóa của Công ty (theo đề nghị tại Tờ trình số 43/TTr-PLVĐ ngày 11/02/2020 của Tổng giám đốc).</p> <p>2- Về việc Đơn tố cáo đề tên ông Nguyễn Mạnh Hùng ký ngày 23/12/2019: Thống nhất với ý kiến của Tổng giám đốc, không đủ điều kiện để xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành đối với Đơn tố cáo đề tên ông Nguyễn Mạnh Hùng ký ngày 23/12/2019.</p> <p>3- Về công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty: Giao Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng ban chuyên môn chuẩn bị chu đáo, đầy đủ các nội dung liên quan (đặc biệt là công tác nhân sự của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát) đảm bảo công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được thực hiện theo đúng quy định.</p> <p>4- Về việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy chế nội bộ Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao Tổng giám đốc khẩn trương thực hiện việc rà soát sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy chế nội bộ Công ty, báo cáo và trình Hội đồng quản trị (Theo nội dung kiến nghị của Bộ Công thương đã nêu tại Kết luận nội dung tố cáo số 8990/KL-BCT ngày 06/11/2018; Nghị quyết số 61/NQ-HĐQT ngày 12/7/2019 – Nghị quyết phiên họp thứ 08 – năm 2019 của Hội đồng quản trị). - Riêng đối với Quy chế Mua sắm vật tư, dịch vụ sản xuất kinh doanh: Yêu cầu Tổng giám đốc hoàn thiện và trình Hội đồng quản trị trước ngày 15/3/2020.
6	14/NQ-HĐQT	17/3/2020	Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển năm 2020 (vào ngày 29/4/2020).
7	15/TB-HĐQT	17/3/2020	Thông báo về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

			thường niên Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển năm 2020.
8	17/TB-HĐQT	09/4/2020	<p>1- Đề nghị chỉ đạo các đơn vị có liên quan tiếp thu ý kiến các thành viên HĐQT theo văn bản số 16/YK-HĐQT ngày 03/4/2020. Khẩn trương đàm phán với Công ty HUD4 liên quan đến các nội dung chính như: Chi phí đền bù, đơn giá thuê hạ tầng, thuê đất thô, ... đáp ứng các yêu cầu trong Kết luận nội dung tố cáo số 8990/KL-BCT ngày 06/11/2018 và văn bản số 164/TTB-P5 ngày 11/3/2020 của Thanh tra Bộ Công thương nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty. Báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện; đề xuất thực hiện các bước tiếp theo.</p> <p>2- Ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2020 theo Báo cáo số 70/PL-KH ngày 31/3/2020 của Tổng giám đốc.</p> <p>- Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2020.</p>
9	19/NQ-HĐQT	13/4/2020	<p>1- Hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển dự kiến tổ chức ngày 29/4/2020 như đã công bố theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 17/3/2020.</p> <p>2- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 sẽ được tổ chức vào thời gian khác, phù hợp với diễn biến của dịch Covid-19 nhưng không muộn hơn 30/6/2020.</p>
10	20/TB-HĐQT	13/4/2020	<p>1- Hủy danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng 09/4/2020 để thực hiện quyền tham dự cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2020.</p> <p>2- Hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển dự kiến tổ chức ngày 29/4/2020 như đã công bố theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 17/3/2020.</p> <p>3- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 sẽ được tổ chức vào thời gian khác, phù hợp với diễn biến của dịch Covid-19 nhưng không muộn hơn 30/6/2020.</p>
11	22/QĐ-HĐQT	22/4/2020	Phê duyệt tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
12	24/TB-HĐQT	06/5/2019	<p>1- Chấp thuận đề nghị của Tổng giám đốc Công ty nêu tại Báo cáo số 91/BC-PLVĐ ngày 28/4/2020 về việc thuê đơn vị Tư vấn định giá khác để định giá tài sản gắn liền trên đất thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình “Nhà máy phân bón NPK Thái Bình”.</p> <p>2- Giao Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị, cá nhân có liên quan khẩn trương thực hiện việc lựa chọn, ký hợp đồng với đơn vị Tư vấn định giá khác để thực hiện việc định giá giá trị tài sản trên đất thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình “Nhà máy phân bón NPK Thái Bình”; sớm trình Hội đồng</p>

			quản trị xem xét, phê duyệt giá khởi điểm, làm cơ sở xử lý các tài sản trên đất thuộc dự án nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty.
13	26/NQ-HĐQT	15/5/2020	Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020 (vào ngày 28/6/2020).
14	27/TB-HĐQT	15/5/2020	Thông báo về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển năm 2020.
15	29/NQ-HĐQT	10/6/2020	1- Thông qua nội dung các tài liệu để phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020. 2- Thông qua việc thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty. 3- Giao Tổng giám đốc tiếp tục chuẩn bị các tài liệu liên quan (nếu có), trình Hội đồng quản trị thông qua để phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên.
16	30/NQ-HĐQT	09/6/2020	1- Phê duyệt tạm ứng cổ tức lần 01 năm 2020 bằng tiền. 2- Giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và của Công ty.
17	31/TB-HĐQT	10/6/2020	1- Giao Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng Vật tư tổng hợp và các đơn vị có liên quan, tiếp thu các ý kiến góp ý tại cuộc họp, hoàn thiện dự thảo Quy chế mua sắm vật tư, dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh, sớm trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. 2- Giao Tổng giám đốc chỉ đạo phòng Tổ chức nhân sự và các đơn vị có liên quan, tiếp thu các ý kiến góp ý tại cuộc họp, hoàn thiện dự thảo Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
18	32/TB-HĐQT	10/6/2020	Thông báo mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
19	41/QĐ-HĐQT	16/6/2020	Thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu tham dự cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2020.
20	43/QĐ-HĐQT	26/6/2020	Ban hành "Quy chế Dân chủ ở cơ sở nơi làm việc" của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
21	44/TB-HĐQT	26/6/2020	1- Giao Tổng giám đốc chỉ đạo phòng Tài chính kế toán và các đơn vị có liên quan, tiếp thu các ý kiến góp ý của thành viên HĐQT (theo văn bản đính kèm), hoàn thiện dự thảo Quy chế Quản lý tài chính, trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. 2- Giao Tổng giám đốc chỉ đạo phòng Đầu tư xây dựng và các đơn vị có liên quan, tiếp thu ý kiến góp ý của thành viên HĐQT (theo văn bản đính kèm), hoàn thiện và trình

			<p>lại HĐQT xem xét, quyết định đối với việc điều chỉnh giá trị đầu tư xây dựng năm 2020 và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án đầu tư mới năm 2020.</p> <p>3- Giao Tổng giám đốc chỉ đạo phòng Đầu tư xây dựng và các đơn vị có liên quan, tiếp thu ý kiến góp ý của thành viên HĐQT (theo văn bản đính kèm), hoàn thiện và trình lại HĐQT xem xét, quyết định đối với việc phương án quy hoạch công, tường rào khu vực Nhà hành chính Công ty.</p>
22	45/QĐ-HĐQT	29/6/2020	Quyết định ban hành “Quy chế nội bộ về quản trị Công ty” của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
23	50/NQ-HĐQT	13/7/2020	<p>1- Thông qua Kế hoạch SXKD quý III năm 2020; Yêu cầu Ban điều hành cần tập trung hơn nữa để tăng cường sản xuất, đẩy mạnh thiêu thụ trong quý III và quý IV để nâng cao sản lượng tiêu thụ, nỗ lực phấn đấu đạt các chỉ tiêu về SXKD của Công ty đã được ĐHCĐ giao.</p> <p>2- Về Báo cáo và đề xuất số 196/BC-PLVĐ ngày 03/7/2020 của Tổng giám đốc về việc xử lý các tồn tại trong việc ký kết và thực hiện Hợp đồng số 05/HĐQT_HUD4 ngày 31/5/2013 giữa Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng HUD4 về việc thuê lại đất (thuộc Dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điển” tại Khu B-Khu Công nghiệp Bim Son-Thanh Hóa).</p> <p>3- Thông qua Tờ trình số 205/TTr-PLVĐ ngày 07/7/2020 của Tổng giám đốc về tiền lương và hệ số công việc đối với Trường Ban kiểm soát Công ty.</p> <p>4- Thông qua Tờ trình số 206/TTr-PLVĐ ngày 07/7/2020 của Tổng giám đốc về phê duyệt gói thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đơn vị đủ năng lực để xem xét chỉ định thầu (Gói thầu “Kiểm toán Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm 2020).</p>
24	51/TB-HĐQT	14/7/2020	<p>1- Về Tờ trình số 171-PLVĐ ngày 03/7/2020 của Tổng giám đốc Công ty về việc phê duyệt giá trị định giá quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất (thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình “Nhà máy phân bón NPK Thái Bình” đã dừng thực hiện vĩnh viễn).</p> <p>2- Tăng cường hiệu quả công tác quản lý, giám sát và chỉ đạo.</p> <p>3- Về việc tổng rà soát, báo cáo về việc chuyển giao công việc của HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025.</p>

25	52/QĐ-HĐQT	14/7/2020	Phê duyệt tiền lương và hệ số công việc đối với ông An Ninh Tuấn - Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
26	53/QĐ-HĐQT	15/7/2020	Phê duyệt Dự toán, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Đơn vị đủ năng lực để xem xét, chỉ định thầu gói thầu "Kiểm toán báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2020 và báo cáo tài chính năm 2020.
27	56/PLVĐ-CT.HĐQT	20/7/2020	Thông báo về việc bổ sung phương án xử lý liên quan đến việc giải quyết Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ-HUD4, ngày 31/5/2013.
28	57/NQ-HĐQT	27/7/2020	Nghị quyết về việc không phê duyệt Tờ trình số 208/TTr-PLVĐ ngày 09/7/2020 về phê duyệt thiết kế và dự toán sửa chữa hàng rào, nhà bảo vệ và cổng Công ty.
29	63/NQ-HĐQT	05/8/2020	1- Thông qua Tờ trình số 241/TTr-PLVĐ ngày 27/7/2020 về việc thưởng cho các cán bộ quản lý, điều hành Công ty năm 2019. 2- Thông qua Tờ trình số 250/TTr-PLVĐ ngày 29/7/2020 về việc xử lý các tồn tại trong việc ký kết và thực hiện Hợp đồng số 05/HĐTĐ-HUD4 ngày 31/5/2013 giữa Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4.
30	69/NQ-HĐQT	14/9/2020	Nghị quyết về việc thống nhất chủ trương đối với Công tác tổ chức cán bộ của Công ty theo nội dung Tờ trình số 313/TTr-PLVĐ ngày 31/8/2020.
31	70/TB-HĐQT	21/9/2020	Thông báo về việc chưa thông qua việc ban hành Quy chế mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh theo nội dung Tờ trình số 325/TTr-PLVĐ ngày 08/9/2020.
32	74/QĐ-HĐQT	07/10/2020	Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư mua sắm thiết bị năm 2020
33	75/TB-HĐQT	12/10/2020	Thông báo kết luận của HĐQT: 1- Về việc ủy quyền của thành viên độc lập HĐQT - Phạm Thị Hoàng Yến. 2- Về việc bàn giao công tác của HĐQT giữa hai nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025. 3- Tình hình sản xuất kinh doanh trong Quý II và 09 tháng đầu năm 2020. 4- Về việc đánh giá sơ bộ, tổng quát dự án ĐTXD Nhà máy tại Bim Sơn, Thanh Hóa. 5- Về Tờ trình số 292/TTr-PLVĐ ngày 24/8/2020 về việc xử lý các tồn tại trong việc ký kết và thực hiện Hợp đồng số

			05/HĐTĐ-HUD4 ký ngày 31/5/2013.
34	76/PLVĐ-CT.HĐQT	26/10/2020	Thông báo về việc xem xét, xử lý văn bản
35	78/NĐ-HĐQT	12/11/2020	<p>1- Thống nhất chủ trương bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Phạm Quang Trung.</p> <p>2- Thống nhất chủ trương kéo dài thời hạn giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Chu Văn Thước.</p> <p>3- Giao cho Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc triển khai thực hiện quy trình bổ nhiệm lại và quy trình kéo dài thời hạn giữ chức vụ theo quy định.</p>
36	79/NQ-HĐQT	13/11/2020	<p>1- Việc ủy quyền của thành viên độc lập HĐQT - Phạm Thị Hoàng Yến.</p> <p>2- Thống qua chủ trương về công tác tổ chức cán bộ của Công ty theo nội dung Tờ trình số 397/TTr-PLVĐ ngày 02/11/2020 và Tờ trình số 400/TTr-PLVĐ ngày 06/11/2020.</p> <p>3- Về tình hình thực hiện việc bán đấu giá tài sản gắn liền trên đất thuộc Dự án ĐTXD “Nhà máy phân bón NPK Thái Bình”.</p> <p>4- Về việc xử lý các tồn tại trong việc ký kết và thực hiện Hợp đồng số 05/HĐTĐ-HUD 4 ký ngày 31/5/2013.</p> <p>5- Thống nhất ký Biên bản bàn giao công việc của HĐQT giữa 02 nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025.</p> <p>6- Về công tác tổ chức thực hiện cuộc họp HĐQT.</p>
37	85/NQ-HĐQT	16/12/2020	<p>1- Phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển thị trường năm 2021 của Công ty.</p> <p>2- Giao TGD chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư thị trường năm 2021 được duyệt đảm bảo thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.</p>
39	86/NQ-HĐQT	24/12/2020	<p>1- Thông qua Phương án kiện toàn Ban quản lý dự án Nhà máy NPK Thái Bình.</p> <p>2- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế mua sắm vật tư, hàng hóa và dịch vụ của Công ty.</p>
40	87/QĐ-HĐQT	24/12/2020	Quyết định ban hành Quy chế mua sắm quản lý thường xuyên phục vụ SXKD của Công ty.
41	88/PLVĐ-CT.HĐQT	29/12/2020	Thông báo Quy định mới có hiệu lực từ 01/01/2021 liên quan đến CBTT người nội bộ, người liên quan, cổ đông lớn khi giao dịch chứng khoán.

d- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hoạt động từ tháng 7/2020 (sau khi được bầu làm thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2020-2025).

e- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

f- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các khóa đào tạo: Không có

2- Ban Kiểm soát:

2.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	An Ninh Tuấn	Trưởng BKS	28/6/2020	Cử nhân kinh tế
2	Nguyễn Thị Vân Hoa	Thành viên	28/6/2020	
3	Nguyễn Thị Sơn	Thành viên	28/6/2020	
4	Trần Quốc Cương	Thành viên	10/4/2020 – 28/6/2020	
5	Phạm Thị Quý	Thành viên	23/4/2020 – 28/6/2020	

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	An Ninh Tuấn	2/3	77%	100%	
2	Nguyễn Thị Vân Hoa	2/3	77%	100%	
3	Nguyễn Thị Sơn	2/3	77%	100%	
4	Trần Quốc Cương	2/3	77%	100%	
5	Phạm Thị Quý	2/3	77%	100%	

Ban Kiểm soát Công ty (từ 01/01/2020 đến hết 31/12/2020) gồm 06 thành viên (Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 ÷ 2023 – Bà Cấn Thị Thu Hà đã có đơn từ nhiệm từ 01/01/2020). Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức họp để triển khai các công việc và tiến hành các hoạt động phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, cụ thể:

- Kiểm tra việc tuân thủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm soát việc tuân thủ thực hiện Điều lệ, Quy chế và các quy định nội bộ của Công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2020;
- Kiểm tra công tác điều hành giá bán sản phẩm, công tác tiêu thụ, ký kết các hợp đồng bán sản phẩm, mua nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh, quản lý công nợ, tiêu hao nguyên vật liệu...
- Kiểm tra công tác ĐTXDCB.
- Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin.

2.3. Hoạt động của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

a/. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc:

BKS tham dự và tập hợp các phiếu lấy ý kiến của HĐQT (do yếu tố dịch covid-19). Căn cứ các báo cáo, tài liệu họp do Hội đồng quản trị cung cấp và kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá trực tiếp của BKS trong năm 2020, BKS nhận thấy:

- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và ban hành các Nghị quyết, Quyết định tập trung chỉ đạo sản xuất kinh doanh, theo đúng chức năng, quyền hạn của HĐQT và phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;

- Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện các Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT; xây dựng và sắp xếp kế hoạch sản xuất của Công ty hợp lý với mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

- Công ty thực hiện lập và gửi Báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Nhà nước; chính sách kế toán áp dụng tại Công ty phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hiện hành của Nhà nước. Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng quy định của chế độ kế toán thống kê. Công tác kiểm kê đầy đủ, đúng quy định. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN.

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc đều bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động. Các quyền lợi của người lao động như đảm bảo việc làm ổn định, chế độ lương, đóng bảo hiểm xã hội - y tế - thất nghiệp đều được thực thi đầy đủ theo quy định của pháp luật.

b/. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát với cổ đông.

Những quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty được đảm bảo và tôn trọng; Các thông tin định kỳ và thông tin bất thường (nếu có) liên quan đến lợi ích cổ đông, tình hình quản trị Công ty, ... đã công bố theo quy định của Luật chứng khoán, Thông tư số 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 quy định về công bố thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát, tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh khi được yêu cầu.

2.5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đánh giá và đề xuất các Công ty Kiểm toán độc lập đáp ứng điều kiện quy định để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a/ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng năm 2020:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thù lao (đ)	Tiền lương (đ)	Tiền thưởng (đ)	Tổng cộng (đ)
I	Hội đồng quản trị					

1	Lê Ngọc Quang	Chủ tịch HĐQT	36.000.000		3.000.000	39.000.000
1	Khúc Ngọc Giáng	Nguyên Chủ tịch HĐQT	36.000.000		42.242.105	78.242.105
2	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	60.000.000		41.842.105	101.842.105
3	Nguyễn Thị Xuân Quyên	Thành viên HĐQT	60.000.000		33.526.316	93.526.316
4	Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT độc lập	30.000.000		3.000.000	33.000.000
5	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nguyên thành viên HĐQT			8.315.789	8.315.789
6	Nguyễn Thị Mai	Nguyên thành viên HĐQT			8.315.789	8.315.789
7	Nguyễn Thị Kim Yến	Nguyên thành viên HĐQT.			16.184.211	16.184.211
II	Ban điều hành					
1	Văn Hồng Sơn	Thành viên. HĐQT, Tổng giám đốc	60.000.000	517.140.200	184.114.474	761.254.674
2	Phạm Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc		364.970.100	97.411.000	462.381.100
3	Chu Văn Thước	Phó Tổng Giám đốc		366.822.900	95.000.000	461.822.900
III	Ban kiểm soát					
1	Cần Thị Thu Hà	Nguyên Trưởng BKS		38.912.000	4.000.000	42.912.000
2	An Ninh Tuấn	Trưởng BKS		198.722.800		198.722.800
3	Nguyễn Thị Vân Hoa	Kiểm soát viên	24.000.000		2.000.000	26.000.000
4	Nguyễn Thị Sơn	Kiểm soát viên	24.000.000		2.000.000	26.000.000
3	Trần Quốc Cương	Nguyên Kiểm soát viên	24.000.000		7.100.000	31.100.000
4	Phạm Thị Quý	Nguyên Kiểm soát viên	24.000.000		5.900.000	29.900.000
IV	Kế toán trưởng					
1	Nguyễn Thị Sen	Phụ trách kế toán		298.797.900	30.365.842	329.163.742

b- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan, cổ đông lớn trong năm 2020:

STT	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty/người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Bà Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	155.280	0,41	156.050	0,41	Mua

c- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn trong năm 2020:

STT	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty/người nội bộ	Hợp đồng với Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
1	Công ty TNHH Hoàng Ngân	Cổ đông lớn/Người có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc Thạch-thành viên Hội đồng quản trị Công ty.	1- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa 2- Dịch vụ thuê kho chứa hàng 3- Mua bán quặng sécpentin, đá sa thạch, xi măng.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

(Được đính kèm theo).

Xác nhận của Người đại diện
theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC *MW*



Văn Hồng Sơn



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẢY VẮN ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC <small>Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/06/2020) Chủ tịch (Đ miễn nhiệm ngày 28/06/2020)</small>	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP <small>Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/06/2020) Thành viên</small>	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN <small>Thành viên Thành viên</small>	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <small>Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/06/2020)</small>	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH <small>Chủ tịch Giám đốc Phó Tổng giám đốc Phó Tổng giám đốc</small>	11 - 34

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được quyền:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các nguồn tài liệu kế toán khác hợp lệ được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu thì được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hợp đồng mua bán hàng hóa không dẫn cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý và trung thực nhất.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ pháp lý hợp lệ để tuân thủ và phát hiện các bất vi gian lận và sai phạm khác.

0120
CÔNG
CH NH
1 TOÁN
VIỆ
GIẤ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Ngọc Quang	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/06/2020)
Ông Khúc Ngọc Giảng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/06/2020)
Bà Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/06/2020)
Bà Nguyễn Thị Xuân Quyên	Thành viên
Ông Văn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/06/2020)

Ban Tổng giám đốc

Ông Văn Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Thước	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Quang Trung	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc, ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VẸN ĐIỀN



Văn Hồng Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2021

28.
TY
HỮU
ĐỊNH
AN
TP

Số: 52 -21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.12 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, đến ngày 31/12/2020, Công ty và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4 vẫn còn các vướng mắc liên quan đến việc làm giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Do đó, Công ty vẫn tạm ghi nhận chi phí thuê cơ sở hạ tầng cho dự án Nhà máy Lân Thanh Hóa với số tiền 62.722.076.233 đồng trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn.



[Handwritten signature in blue ink]

Trần Quốc Tuấn
 Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2018-034-1
 Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2018-034-1

3	Thu thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	1.140.373.975	1.140.373.975
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	-1.094.631.133	2.357.674.339
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	137		6.351.359.324	(1.204.410.613)
IV	Hàng tồn kho	140		285.975.747.255	207.240.679.046
1	Hàng tồn kho	141	V.8.	285.975.747.255	207.240.679.046
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		23.315.676.731	23.379.416.730
1	Cứu giữ tài khoản ngắn hạn	151	V.12.	10.597.393.302	23.060.167.815
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-3.131.056.638	3.370.442.111
3	Thế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15.	16.385.341	
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.512.108.079	103.743.442.111
1	Các khoản phải thu dài hạn	210			
II	Tài sản cố định	220		10.194.662.442	14.244.474.750
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.17.	10.235.482.061	14.344.416.750
-	Nguyên giá	222		100.722.572.513	100.763.148.297
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.234.931.332)	(60.418.711.314)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.19.	330.370.481	
-	Nguyên giá	228		34.679.662.000	34.358.162.000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.349.291.519)	(34.358.162.000)
III	Xây dựng sẵn dài hạn	236			
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9.	24.416.811.740	24.416.811.740
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		24.416.811.740	24.416.811.740
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI	Tài sản dài hạn khác	260		63.797.321.897	63.952.215.346
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	63.797.321.897	63.952.215.346
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		937.096.220.336	872.102.425.183



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		488.577.801.157	469.359.339.298
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	41.136.800.745	26.704.647.662
1 Tiền	111		41.136.800.745	26.704.647.662
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	20.000.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	20.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.649.557.722	86.323.401.860
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	114.725.292.931	80.765.234.835
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	3.838.174.909	3.454.089.324
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	1.140.813.975	1.140.813.975
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	1.096.661.135	2.857.674.359
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.151.385.228)	(1.894.410.633)
IV Hàng tồn kho	140		285.975.747.209	307.940.679.046
1 Hàng tồn kho	141	V.8.	285.975.747.209	307.940.679.046
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		23.815.695.481	28.390.610.730
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	18.667.352.702	23.060.167.892
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.131.956.438	5.330.442.838
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	16.386.341	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.512.208.079	102.743.485.884
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		10.298.062.442	14.344.436.798
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.11.	10.038.480.961	14.344.436.798
- Nguyên giá	222		180.722.512.512	180.163.148.212
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.684.031.551)	(165.818.711.414)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	259.581.481	-
- Nguyên giá	228		34.679.662.000	34.358.162.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.420.080.519)	(34.358.162.000)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9.	24.416.823.740	24.416.823.740
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		24.416.823.740	24.416.823.740
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		63.797.321.897	63.982.225.346
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	63.797.321.897	63.982.225.346
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		587.090.009.236	572.102.825.182

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C NỢ PHẢI TRẢ	300		130.218.351.831	127.942.431.473
I Nợ ngắn hạn	310		130.218.351.831	127.942.431.473
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	89.428.570.673	83.518.504.109
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	2.244.000.992	895.209.616
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	1.859.087.436	740.865.408
4 Phải trả người lao động	314		16.391.969.187	16.987.374.179
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	1.607.878.088	1.343.439.978
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	17.922.129.897	22.209.352.085
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		764.715.558	2.247.686.098
II Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		456.871.657.405	444.160.393.709
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	456.871.657.405	444.160.393.709
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		376.653.480.000	376.653.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		376.653.480.000	376.653.480.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		52.866.059.491	51.890.071.810
3 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.281.900.000	3.281.900.000
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.070.217.914	12.334.941.899
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.512.855.158	372.073.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.557.362.756	11.962.868.252
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		587.090.009.236	572.102.825.182

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỀN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thùy Dương

Nguyễn Thị Sen

Văn Hồng Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	745.246.282.579	792.538.716.038
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		745.246.282.579	792.538.716.038
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	569.031.593.288	614.610.871.553
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		176.214.689.291	177.927.844.485
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	2.843.908.957	2.824.974.137
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	820.552.361	855.172.955
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	123.775.887.653	125.434.950.993
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	27.113.051.097	25.692.185.433
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		27.349.107.137	28.770.509.241
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	33.163.117	1.248.604.277
12. Chi phí khác	32	VI.6.	95.335.329	12.052.515.851
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(62.172.212)	(10.803.911.574)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		27.286.934.925	17.966.597.667
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	5.729.572.169	6.003.729.415
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		21.557.362.756	11.962.868.252
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	572,34	292,20

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỀN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thùy Dương

Nguyễn Thị Sen

Văn Hồng Sơn

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.286.934.925	17.966.597.667
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.927.238.656	5.001.446.308
- Các khoản dự phòng	03		1.256.974.595	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		24.429.761	28.411.655
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.809.687.712)	8.565.867.592
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.685.890.225	31.562.323.222
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.670.422.758)	(32.822.405.647)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.964.931.837	18.292.220.972
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.577.467.693	(70.803.351.624)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.577.718.639	4.468.414.332
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.570.327.754)	(2.868.046.051)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.596.600.000)	(10.965.120.238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.968.657.882	(63.135.965.034)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(748.957.790)	(2.723.309.736)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	703.818.182
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.764.097.712	3.528.763.633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.015.139.922	1.509.272.079
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.527.214.960)	(39.643.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.527.214.960)	(39.643.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		14.456.582.844	(61.666.336.455)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	26.704.647.662	88.399.395.772
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(24.429.761)	(28.411.655)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	26.704.647.662

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỀN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thùy Dương

Nguyễn Thị Sen

Văn Hồng Sơn

2022
ĐANG
NHIỆM
ĐÀN VÀ
ỆT N
4Y -

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển là Công ty Cổ phần, được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 530/QĐ-HCVN ngày 30/11/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam về việc chuyển đổi Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2009. Công ty có 07 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 14/05/2019 thì Vốn Điều lệ của Công ty là 376.653.480.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán là VAF.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh phân lân nung chảy, các loại phân bón khác, vật liệu xây dựng, bao bì;
- Xuất khẩu phân lân nung chảy và phân bón khác;
- Nhập khẩu phân bón và các loại nguyên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Chế tạo máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón;
- Chuyên giao công nghệ dây chuyền sản xuất các loại phân bón;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng sản xuất các loại phân bón;
- Gia công cơ khí để sản xuất các loại phân;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng và ô tô khác.

Trụ sở Công ty tại: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm bản quyền, bằng sáng chế và chương trình phần mềm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng Công trình Nhà máy lân Thanh Hóa được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí thuê kho, vận chuyển của thành phẩm tồn kho chưa tiêu thụ; chi phí thuê cơ sở hạ tầng; công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Chi phí thuê kho, vận chuyển hàng chưa tiêu thụ: Chi phí này sẽ được phân bổ khi đơn vị vận chuyển bàn giao thành phẩm cho khách hàng.

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng: Công ty đang tạm thời không phân bổ chi phí này. (chi tiết tại Thuyết minh số V.12.)

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí phát triển thị trường, chi phí lập hồ sơ cấp phép khai thác nước, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lỗ từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm phân lân nung chảy và các loại phân bón khác, doanh thu bán phế liệu, vỏ bao và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi tiền đặt cọc mua hàng, chênh lệch tỷ giá và chiết khấu thanh toán.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

15.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% áp dụng với doanh thu bán phế liệu, vỏ bao, thuế suất 5% với doanh thu bán nước và doanh thu bán và xuất khẩu phân bón không chịu thuế GTGT.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền		
Tiền mặt	1.735.432.573	330.654.790
Tiền gửi ngân hàng	39.401.368.172	26.373.992.872
Cộng	41.136.800.745	26.704.647.662

2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Giá trị ghi sổ	Giá trị	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hoàng Mai (i)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hoàng Mai với lãi suất 7,1 đến 7,2%/năm.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hoá chất Miền Nam	49.368.867.411	-	46.810.917.849	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu phân bón Minh Tân	48.913.572.827	-	18.732.902.118	-
Bà Trần Thị Dung	178.864.622	-	534.241.464	-
Ninh Ngọc Cơ	1.627.463.869	-	3.165.530.672	-
Hoàng Văn Định	1.074.495.200	(1.074.495.200)	1.123.868.100	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các đối tượng khác	13.562.029.002	(936.076.053)	10.397.774.632	(753.596.658)
Cộng	114.725.292.931	(2.010.571.253)	80.765.234.835	(753.596.658)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất	969.824.215	969.824.215
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng mỏ	324.599.850	324.599.850
Công ty CP Đầu tư xây dựng phát triển Đông Đô 9-BQP	1.387.000.000	1.387.000.000
Các đối tượng khác	1.156.750.844	772.665.259
Cộng	3.838.174.909	3.454.089.324

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc (i)	1.140.813.975	(1.140.813.975)	1.140.813.975	(1.140.813.975)
Cộng	1.140.813.975	(1.140.813.975)	1.140.813.975	(1.140.813.975)

(i) Hợp đồng vay tiền số 87/PL-KH ngày 02/07/2009, phụ lục số 01/PL-TV gia hạn đến ngày 15/12/2010 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Thời hạn vay: 01 năm;
- Lãi suất cho vay: 0,7%/tháng; lãi suất không thanh toán đúng hạn là 1,05%/tháng đối với nợ gốc và tiền lãi;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019 là 1.140.813.975 đồng. Khoản phải thu này đã quá hạn.

- Công ty đã khởi kiện Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Theo bản án số 09/2017/DS-TT ngày 6/3/2017, Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc phải trả Công ty tổng số tiền 2.199.187.352 VND, trong đó nợ gốc là 1.140.813.975 VND. Lãi tính đến ngày 10/11/2016 là 1.058.373.377 VND. Đến nay, Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc vẫn chưa trả tiền cho Công ty. Công ty đã nhiều lần gửi văn bản đến cơ quan thi hành án nhưng chưa đòi được nợ. Công ty chưa ghi nhận lãi, chỉ theo dõi khoản nợ gốc.

6. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	220.029.735	-	1.110.611.751	-
Đỗ Thị Hương Lan	-	-	957.400.000	-
Các đối tượng khác	220.029.735	-	153.211.751	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ký cược, ký quỹ	160.000.000	-	160.000.000	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	98.941.157	-	46.763.009	-
Phải thu khác	617.690.243	-	1.540.299.599	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	154.030.000	-	1.108.440.000	-
Phải thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên	182.319.884	-	182.319.884	-
Các đối tượng khác	281.340.359	-	249.539.715	-
Cộng	1.096.661.135	-	2.857.674.359	-

7. Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
Phải thu khách hàng	2.010.571.253	-	2.179.923.190	1.426.326.532
Công ty CP Vật tư nông nghiệp Bình Dương (i)	377.625.324	-	546.977.261	-
Công ty TNHH T&H (ii)	106.136.774	-	106.136.774	-
Công ty CP Thương mại Việt Trung Hai	100.482.623	-	100.482.623	-
Ban kinh tế - xã hội Hội nông dân tỉnh Thái Nguyên	351.831.332	-	351.831.332	351.831.332
Hoàng Văn Định	1.074.495.200	-	1.074.495.200	1.074.495.200
Phải thu về cho vay	1.140.813.975	-	1.140.813.975	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	1.140.813.975	-	1.140.813.975	-
Cộng	3.151.385.228	-	3.320.737.165	1.426.326.532

(i) Công ty đã kiện Công ty CP Vật tư nông nghiệp Bình Dương ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Theo Bản án số 13/2017/KDTM-PT ngày 26/05/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên án Công ty CP Vật tư nông nghiệp Bình Dương phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển số tiền nợ gốc là 546.977.261 VND; số tiền lãi phát sinh là 1.053.020.316 VND. Ngày 08/05/2018 Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đã gửi Văn bản số 460/PL-KH đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một. Ngày 25/05/2018 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một đã gửi Công văn trả lời Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển về việc Công ty CP Vật tư nông nghiệp Bình Dương gặp khó khăn xin được trả số nợ gốc là 546.977.261 VND; không trả số tiền lãi phát sinh kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 29/6/2018, Công ty đã gửi Công văn phúc đáp ý kiến về thi hành án tới Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một không chấp nhận yêu cầu của Công ty CP Vật tư nông nghiệp Bình Dương về việc không trả lãi. Trong năm 2020, Công ty CP Vật tư nông nghiệp Bình Dương đã thanh toán một phần số nợ gốc cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(ii) Khoản công nợ phát sinh từ năm 2010 theo Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 16/PL-HĐ ngày 02/01/2010 có giá trị từ ngày 02/01/2010 đến ngày 31/12/2010 và Hợp đồng thuê kho chứa hàng số 18/PL-HĐ ngày 02/01/2010, có giá trị từ ngày 02/01/2010 đến 15/07/2010. Theo Bản án số 01/2012/KDTM-PT ngày 20/03/2012 v/v Tranh chấp Hợp đồng vận chuyển và thuê kho tài sản, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã tuyên xử buộc Công ty TNHH T&H phải trả Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền số tiền 199.989.289 VND. Tính đến ngày 31/12/2020, Công ty TNHH T&H chưa thanh toán phần còn lại sau khi đã thanh toán một phần trong năm 2019 cho Công ty.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	81.902.602.698	-	79.414.108.972	-
Công cụ, dụng cụ	46.881.232	-	73.495.095	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.020.737.691	-	73.627.150.898	-
Thành phẩm	39.927.157.357	-	42.559.105.341	-
Hàng gửi bán (*)	95.078.368.231	-	112.266.818.740	-
Cộng	285.975.747.209	-	307.940.679.046	-

(*) Hàng gửi bán là hàng Công ty gửi tại các kho do Công ty thuê tại các khu vực miền Nam, Tây Nguyên,... cho các khách hàng trước vụ (đông xuân, hè thu), số hàng được gửi tại kho của khách hàng tương đương với số tiền khách hàng đặt cọc hoặc thư bảo lãnh thanh toán của khách hàng. Khách hàng được lấy hàng trong thời gian quy định của hợp đồng và thanh toán tiền cho Công ty tương ứng với số hàng lấy ra.

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Xây dựng cơ bản	24.416.823.740	24.416.823.740
Công trình Nhà máy lân Thanh Hóa (i)	24.416.823.740	24.416.823.740
Cộng	24.416.823.740	24.416.823.740

(i) Thông tin chi tiết về công trình: Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2015 của Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt dự án đầu tư xây dựng "Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điền" tại Khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn - Thanh Hóa, cụ thể:

- Tên Dự án: Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điền
- Chủ đầu tư: Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điền
- Tổng mức đầu tư: 1.291.619.455.265 đồng

- Thời gian bắt đầu thực hiện triển khai công trình và thời gian dự kiến hoàn thành:

+ Theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2015, từ quý II/2015 bắt đầu thực hiện xây dựng nhà máy và dự kiến hoàn thành trong quý II/2018.

+ Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23/04/2019, chấp thuận cho Công ty tiếp tục giãn tiến độ thực hiện Dự án.

- Tình trạng công trình: Dự án Nhà máy lân Thanh Hóa đang dừng ở hạng mục san nền. Hội đồng quản trị Công ty đang xem xét phê duyệt điều chỉnh lại dự toán do diện tích đất thuê lại bị thu hẹp so với thiết kế ban đầu. Bên cạnh đó, Công ty đang còn các vướng mắc với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 4 về việc ký kết sửa đổi bổ sung hợp đồng liên quan đến điều chỉnh giá, để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (Chi tiết xem Thuyết minh số V.12.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Bản quyền, bằng sáng chế (i)	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2020	34.193.162.000	165.000.000	34.358.162.000
Mua trong năm	-	321.500.000	321.500.000
Số dư ngày 31/12/2020	34.193.162.000	486.500.000	34.679.662.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2020	34.193.162.000	165.000.000	34.358.162.000
Khấu hao trong năm	-	61.918.519	61.918.519
Số dư ngày 31/12/2020	34.193.162.000	226.918.519	34.420.080.519
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	-	259.581.481	259.581.481

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.358.162.000 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 34.358.162.000 đồng).

(i) Bản quyền bằng sáng chế được đánh giá ghi nhận tăng năm 2009 (tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) gồm:

- Bằng độc quyền sáng chế số 1991 do Cục sở hữu Công nghiệp thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp, với tên sáng chế là Lò cao sản xuất phân lân nung, Chủ bằng là Công ty Phân lân Nung cháy Vạn Điển, Tác giả: Bùi Quang Lanh và Nguyễn Văn Việt, được cấp ngày 12/04/2001, có hiệu lực đến hết 20 năm kể từ ngày cấp.

- Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 265 do Cục sở hữu Công nghiệp thuộc Bộ khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp, với tên sáng chế là Thiết bị và Phương pháp sàng rửa phân loại nguyên liệu, Chủ bằng Công ty Phân lân Nung cháy Vạn Điển, Tác giả: Bùi Quang Lanh và Nguyễn Văn Việt, được cấp ngày 09/08/2001, có hiệu lực đến hết 10 năm kể từ ngày cấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 (Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu					Đơn vị tính: VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					180.163.148.212
Số dư ngày 01/01/2020	59.020.079.940	79.593.051.546	40.538.107.296	1.011.909.430	559.364.300
Mua trong năm	-	152.881.300	-	406.483.000	180.722.512.512
Số dư ngày 31/12/2020	59.020.079.940	79.745.932.846	40.538.107.296	1.418.392.430	165.818.711.414
Giá trị hao mòn lũy kế					4.865.320.137
Số dư ngày 01/01/2020	58.648.888.657	70.854.322.314	35.720.634.003	594.866.440	170.684.031.551
Khấu hao trong năm	61.865.208	2.416.588.625	2.157.973.817	228.892.487	
Số dư ngày 31/12/2020	58.710.753.865	73.270.910.939	37.878.607.820	823.758.927	
Giá trị còn lại					14.344.436.798
Tại ngày 01/01/2020	371.191.283	8.738.729.232	4.817.473.293	417.042.990	10.038.480.961
Tại ngày 31/12/2020	309.326.075	6.475.021.907	2.659.499.476	594.633.503	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 133.978.333.672 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 127.774.138.608 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	18.667.352.702	23.060.167.892
Chi phí vận chuyển, thuê kho của thành phẩm tồn kho chưa tiêu thụ (i)	18.255.151.225	22.790.302.820
Chi phí Thư bảo lãnh thanh toán cho hàng tồn kho	-	171.835.644
Chi phí trả trước khác	412.201.477	98.029.428
b) Dài hạn	63.797.321.897	63.982.225.346
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.075.245.664	1.260.149.113
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bim Sơn (Dự án Nhà máy Lân Thanh Hóa) (ii)	62.722.076.233	62.722.076.233
Cộng	82.464.674.599	87.042.393.238

(i) Chi phí vận chuyển, thuê kho, phí lưu kho của hàng hóa tại các kho trung gian miền Trung, miền Nam chưa tiêu thụ.

(ii) Công ty đã ký hợp đồng với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4 ngày 31/5/2013 về việc thuê đất và cơ sở hạ tầng của Công ty. Theo đó, tiền thuê cơ sở hạ tầng là 50 năm tương ứng với giá trị theo diện tích bàn giao nhân với 366.160 đồng/m². Ngày 30/11/2013, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4 đã bàn giao mặt bằng cho Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển với diện tích là 227.020 m² (diện tích tạm tính theo hợp đồng ban đầu là 233.898 m², so với thiết kế tổng mặt bằng của dự án quá lớn, Công ty trả lại một phần đất và chỉ nhận bàn giao diện tích là 227.020 m²) với giá trị ước tính là 83.125.643.200 đồng. Đến ngày 31/12/2019, Công ty và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4 còn các vướng mắc liên quan đến thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Trước đây tỉnh Thanh Hóa áp dụng hình thức "Giao đất có thu tiền sử dụng đất" đối với các tổ chức. Sau khi có Luật Đất đai năm 2013, tỉnh Thanh Hóa chuyển sang hình thức "Thuê đất trả tiền hàng năm hoặc trả tiền 1 lần" vì vậy Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4 phải chờ hướng dẫn và làm lại toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của khu đất Công ty thuê sang hình thức mới.

- Do Tỉnh Thanh Hóa điều chỉnh quy hoạch Khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn nên diện tích khu đất cho thuê có thay đổi, từ diện tích thực nhận theo Biên bản bàn giao mặt bằng giữa Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4 và Công ty CP Phân lân Nung chảy Văn điển là 227.020 m² xuống còn 225.421,1 m².

Do đó, Công ty tạm ghi nhận tiền thuê cơ sở hạ tầng trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn theo giá trị hóa đơn GTGT với số tiền là 62.722.076.233 đồng và chưa phân bổ vào chi phí.

13. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Hoàng Ngân	13.057.151.275	13.057.151.275	17.960.949.845	17.960.949.845
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	32.404.575.864	32.404.575.864	27.458.652.073	27.458.652.073
Công ty TNHH Logistics Long Bình	20.850.639.519	20.850.639.519	8.352.015.149	8.352.015.149

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các đối tượng khác	23.116.204.015	23.116.204.015	29.746.887.042	29.746.887.042
Cộng	89.428.570.673	89.428.570.673	83.518.504.109	83.518.504.109

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kim Chính	867.153.000	-
Công ty TNHH Thù An Việt	46.402.992	46.402.992
Lưu Thanh Tân	-	247.474.450
Phạm Xuân Đăng	-	570.403.573
Các đối tượng khác	1.330.445.000	30.928.601
Cộng	2.244.000.992	895.209.616

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
				Đơn vị tính: VND
a) Phải nộp				
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.532.449.257	1.532.449.257	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	696.211.821	5.729.572.169	4.570.327.754	1.855.456.236
Thuế thu nhập cá nhân	40.772.787	520.513.820	561.286.607	-
Thuế tài nguyên	3.880.800	43.658.400	43.908.000	3.631.200
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.884.136.000	6.884.136.000	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	147.825.000	147.825.000	-
Cộng	740.865.408	14.861.154.646	13.742.932.618	1.859.087.436
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	16.386.341	16.386.341
Cộng	-	-	16.386.341	16.386.341

16. Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí phát triển thị trường	847.226.088	805.363.178
Chi phí lập hồ sơ cấp phép khai thác nước dưới đất	249.100.000	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	510.430.800
Chi phí phải trả khác	511.552.000	27.646.000
Cộng	1.607.878.088	1.343.439.978

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	314.626.500	164.324.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	17.607.503.397	22.045.027.985
Quỹ an sinh	975.303.173	977.803.173
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	139.002.490	131.075.520
Thù lao giải pháp hữu ích, thưởng sáng kiến	-	2.471.801.775
Khách hàng đặt cọc và lãi đặt cọc mua hàng phải trả	16.422.979.734	18.377.279.517
Các đối tượng khác	70.218.000	87.068.000
Cộng	17.922.129.897	22.209.352.085

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	376.653.480.000	49.651.092.778	426.304.572.778
Lãi trong năm trước	-	11.962.868.252	11.962.868.252
Tăng khác	-	19.200.000	19.200.000
Phân phối lợi nhuận	-	(43.086.723.893)	(43.086.723.893)
Giảm khác (ii)	-	(6.211.495.238)	(6.211.495.238)
Số dư tại ngày 31/12/2019	376.653.480.000	12.334.941.899	388.988.421.899
Lãi trong năm nay	-	21.557.362.756	21.557.362.756
Phân phối lợi nhuận (i)	-	(9.822.086.741)	(9.822.086.741)
Số dư tại ngày 31/12/2020	376.653.480.000	24.070.217.914	400.723.697.914

(i) Phân phối lợi nhuận trong kỳ căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2020, cụ thể: chi trả cổ tức năm 2019 là 7.533.069.600 đồng; trích quỹ đầu tư phát triển là 975.987.681 đồng; trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 957.029.460 đồng; trích quỹ thưởng người quản lý công ty là 114.000.000 đồng và trích thù lao cho thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành là 242.000.000 đồng.

(ii) Theo quyết định số 55/QĐ-HĐQT ngày 19/06/2019 theo nội dung tại Kết luận 8990/KL-BCT ngày 06/11/2018 của Bộ Công thương về việc xử lý đối với 550 tấn phân Kali và 520 tấn Ure phát hiện thừa qua kiểm kê chưa được đưa vào giá trị cổ phần hóa của Công ty.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	252.568.870.000	252.568.870.000
Công ty TNHH Hoàng Ngân	84.155.970.000	73.230.970.000
Cổ đông khác	39.928.640.000	50.853.640.000
Cộng	376.653.480.000	376.653.480.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	376.653.480.000	376.653.480.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	376.653.480.000	376.653.480.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.533.069.600	37.665.348.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.665.348	37.665.348
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.665.348	37.665.348
- Cổ phiếu phổ thông	37.665.348	37.665.348
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.665.348	37.665.348
- Cổ phiếu phổ thông	37.665.348	37.665.348
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	51.890.071.810	975.987.681	-	52.866.059.491
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.281.900.000	-	-	3.281.900.000
Cộng	55.171.971.810	975.987.681	-	56.147.959.491

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế, được đơn vị trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
Đô la mỹ (USD)	203.727,73	49.980,21

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	745.246.282.579	792.538.716.038
Cộng	745.246.282.579	792.538.716.038

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hàng bán	569.031.593.288	614.610.871.553
Cộng	569.031.593.288	614.610.871.553

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.809.687.712	2.782.363.633
Chiết khấu thanh toán	-	19.490.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	34.221.245	23.120.504
Cộng	2.843.908.957	2.824.974.137

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	20.657.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	28.248.600	992.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	24.429.761	28.411.655
Chi phí trả lãi đặt cọc	767.874.000	805.112.000
Cộng	820.552.361	855.172.955

5. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu hồi phế liệu	-	418.254.439
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	703.818.182
Thu nhập khác	33.163.117	126.531.656
Cộng	33.163.117	1.248.604.277

6. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản phạt hành chính	92.455.329	-
Chi phí dừng triển khai dự án (i)	-	12.052.049.407
Chi phí khác	2.880.000	466.444
Cộng	95.335.329	12.052.515.851

(i) Chi phí quyết toán dừng vĩnh viễn "Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy phân bón NPK Thái Bình" theo Quyết định số 24/QĐ-HĐQT ngày 29/03/2019 của Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	123.775.887.653	125.434.950.993
Chi phí nhân viên	4.001.728.983	3.270.472.000
Chi phí vật liệu, bao bì	3.499.209.421	755.772.223
Chi phí khấu hao TSCĐ	252.960.000	168.639.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.233.027.675	107.156.514.350
Chi phí bằng tiền khác	5.788.961.574	14.083.552.516
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	27.113.051.097	25.692.185.433
Chi phí nhân viên quản lý	10.527.552.000	9.660.026.000
Chi phí vật liệu quản lý	1.339.747.556	2.146.941.343
Chi phí khấu hao TSCĐ	824.073.474	742.730.669
Thuế, phí và lệ phí	6.955.170.431	6.965.588.828
Chi phí dự phòng	338.831.332	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.556.914.850	4.061.346.147
Chi phí bằng tiền khác	3.570.761.454	2.115.552.446

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	503.743.417.042	556.421.733.065
Chi phí nhân công	61.391.325.666	52.991.542.981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.927.238.656	4.090.075.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.727.928.419	1.729.435.522
Chi phí khác bằng tiền	22.591.979.615	9.513.064.574
Cộng	708.381.889.398	624.745.851.877

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	27.286.934.925	17.966.597.667
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	95.335.324	12.052.049.407
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	27.382.270.249	30.018.647.074
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.476.454.050	6.003.729.415
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	253.118.119	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.729.572.169	6.003.729.415

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.557.362.756	11.962.868.252
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(957.029.460)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(957.029.460)
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(957.029.460)
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (**)	21.557.362.756	11.005.838.792
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	37.665.348	37.665.348
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	572,3	292,2

(**) Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 chưa được Công ty loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có cơ sở trích lập.

(*) Công ty thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2020.

	Năm 2019		
	Số trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	11.962.868.252	-	11.962.868.252
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(957.029.460)	(957.029.460)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(957.029.460)	(957.029.460)
+ Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(957.029.460)	(957.029.460)
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	11.962.868.252	957.029.460	11.005.838.792
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	37.665.348	-	37.665.348
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	317,61	-	292,2

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bù trừ số đã tạm ứng cổ tức năm 2018 sang số được chia cổ tức năm 2018	-	37.629.677.500

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	761.254.674	790.242.537
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị	1.638.329.916	1.596.307.006
Cộng	2.399.584.590	2.386.549.543

3. Báo cáo bộ phận

Theo lĩnh vực kinh doanh

Năm 2020

	Sản phẩm Phân lân nung chảy	Sản phẩm NPK các loại; Supetecmo	Sản phẩm khác: cân thuê, vỏ bao...	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	572.502.520.467	170.265.691.125	2.478.070.987	745.246.282.579
Giá vốn hàng bán	422.923.298.020	142.910.164.486	3.198.130.782	569.031.593.288
Lợi nhuận gộp	149.579.222.447	27.355.526.639	(720.059.795)	176.214.689.291

Năm 2019

	Sản phẩm Phân lân nung chảy	Sản phẩm NPK các loại; Supetecmo	Sản phẩm khác: cân thuê, vỏ bao...	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	601.993.734.910	189.147.458.046	1.397.523.082	792.538.716.038
Giá vốn hàng bán	447.294.503.371	166.498.310.612	818.057.571	614.610.871.554
Lợi nhuận gộp	154.699.231.539	22.649.147.434	579.465.511	177.927.844.484

Theo khu vực địa lý

Năm 2020

	Miền Bắc	Miền Nam	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	218.468.122.975	497.497.248.458	29.280.911.146	745.246.282.579

Năm 2019

	Miền Bắc VND	Miền Nam VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	229.729.525.128	547.255.034.250	15.554.156.660	792.538.716.038

Công ty bán hàng tại Hà Nội cho các khách hàng trên cả nước. Công ty không phân tách theo dõi chi tiết tài sản, nợ phải trả theo bộ phận.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	41.136.800.745	26.704.647.662
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	456.871.657.405	444.160.393.709
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.136.800.745	26.704.647.662
Phải thu khách hàng và phải thu khác	113.811.382.813	82.869.312.536
Các khoản đầu tư tài chính	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	174.948.183.558	129.573.960.198

Công nợ tài chính

Phải trả người bán và phải trả khác	107.350.700.570	105.727.856.194
Chi phí phải trả	1.607.878.088	1.343.439.978
Cộng	108.958.578.658	107.071.296.172

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp Phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	4.689.224.718	1.155.532.653

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2020	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	107.350.700.570	-	107.350.700.570
Chi phí phải trả	1.607.878.088	-	1.607.878.088
01/01/2020	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	105.727.856.194	-	105.727.856.194
Chi phí phải trả	1.343.439.978	-	1.343.439.978

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.136.800.745	-	41.136.800.745
Phải thu khách hàng và phải thu khác	113.811.382.813	-	113.811.382.813
Các khoản đầu tư tài chính	20.000.000.000	-	20.000.000.000
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.704.647.662	-	26.704.647.662
Phải thu khách hàng và phải thu khác	82.869.312.536	-	82.869.312.536
Các khoản đầu tư tài chính	20.000.000.000	-	20.000.000.000

5. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn điển đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Ngoài ra, một số số liệu so sánh khác của kỳ báo cáo trước đã được Công ty điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - “Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót”, các thông tin điều chỉnh cụ thể như sau:

5.1 Số liệu điều chỉnh và sau điều chỉnh

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		
	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Phải trả người lao động	17.011.374.179	(24.000.000)	16.987.374.179
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	736.065.408	4.800.000	740.865.408
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.315.741.899	19.200.000	12.334.941.899

5.2 Các thuyết minh về số liệu điều chỉnh hồi tố

Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu "Phải trả người lao động", giảm 24.000.000 đồng do thực hiện quyết toán quỹ tiền lương năm 2019 với Tập đoàn Hóa chất.

Chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” tăng 4.800.000 đồng do ảnh hưởng điều chỉnh nêu trên (tăng lãi, tăng thuế TNDN).

Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tăng 19.200.000 đồng là do ảnh hưởng điều chỉnh nêu trên.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Sen

Tổng Giám đốc



Văn Hồng Sơn